

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP: SỐ 20

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ
KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP: SỐ 20

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ
KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI
KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XÂY
DỰNG ACUD VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	8
1. Mục tiêu và yêu cầu phối hợp triển khai thực hiện nội dung đề xuất tích hợp trong quy hoạch tỉnh	8
2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu	8
2.1. Phạm vi nghiên cứu:	8
2.2. Đối tượng nghiên cứu:	9
3. Phương pháp nghiên cứu	9
4. Cơ sở pháp lý.....	10
 PHẦN I: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2011-2020	 12
1. Khái quát về Điện Biên	12
1.1. Vị trí địa lý	12
1.2. Điều kiện tự nhiên.....	13
1.3. Điều kiện xã hội	16
1.4. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	19
2. Thực trạng phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020.....	19
2.1. Nguồn lực phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020.....	20
2.2. Thực trạng tham mưu, ban hành chiến lược phát triển KH&CN	22
2.3. Thực trạng thực hiện các nhiệm vụ, nghiên cứu ứng dụng KH&CN	23
2.4. Thực trạng hỗ trợ sản xuất, kinh doanh phát triển KH&CN	28
2.5. Thực trạng phát triển mạng lưới hạ tầng KH&CN	41
2.6. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4	48
2.7. Chương trình khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo.....	52
2.8. Đánh giá những thành tựu đạt được và dự báo sự phát triển KH&CN	55
3. Đánh giá SWOT.....	57
3.1. Điểm mạnh.....	57
3.2. Điểm yếu.....	57
3.3. Cơ hội.....	58
3.4. Thách thức	58
 PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	 60
1. Quan điểm và mục tiêu phát triển	60
1.1. Quan điểm phát triển.....	60
1.2. Mục tiêu phát triển	62

2. Định hướng phát triển ngành KH&CN	64
2.1. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN	64
2.2. Định hướng nghiên cứu phát triển lĩnh vực công nghệ ưu tiên tính.....	68
2.3. Hoạt động quản lý công nghệ, quản lý chuyên ngành.....	72
2.4. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng.....	73
2.5. Hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ	74
3. Định hướng phát triển hạ tầng KH&CN và đổi mới sáng tạo	74
3.1. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ phát triển KH&CN	74
3.2. Phát triển nguồn nhân lực hoạt động KH&CN.....	75
3.3. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức KH&CN	76
3.4. Phát triển hạ tầng kỹ thuật KH&CN.....	76
3.5. Tăng cường hợp tác về KH&CN	77

PHẦN III: CÁC GIẢI PHÁP, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

1. Giải pháp thực hiện	78
1.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của KH&CN đối với phát triển KT-XH.....	78
1.2. Tiếp tục đổi mới hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động KH&CN	78
1.3. Tăng cường đầu tư kinh phí cho KH&CN.....	79
1.4. Đẩy mạnh công tác thông tin, thống kê KH&CN.....	80
1.5. Tăng cường hợp tác KH&CN	80
2. Giải pháp phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo.....	80
2.1. Đổi mới quản lý nhiệm vụ, chính sách KH&CN.....	80
2.2. Tiếp tục đổi mới phương thức đầu tư và cơ chế tài chính	81
2.3. Phát triển thông tin ,thống kê KH&CN	82
2.4. Phát triển thị trường KH&CN, đổi mới công nghệ	82
2.5. Phát triển đổi mới hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.....	82
2.6. Phát triển hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng	83
2.7. Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.....	83
2.8. Phát triển tài sản trí tuệ	83
2.9. Tăng cường hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	84
2.10. Phát triển và ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0	85
2.11. Tăng cường tiềm lực cho KH&CN.....	85
2.12. Tăng cường hợp tác về KH&CN	87
3. Các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ giai đoạn thực hiện 2021-2030	87
3.1. Danh mục các dự án đề xuất	87
3.2. Nhu cầu vốn đầu tư.....	87

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận	91
--------------------------	-----------

2. Kiến nghị	95
---------------------------	-----------

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1-1: Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng.....	12
Hình 1-2 : Sơ đồ phân bố cao độ địa hình tỉnh Điện Biên	14
Hình 1-3 : Biểu đồ dân số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2010-2020	17
Hình 1-4 : Biểu đồ phân bố dân số tỉnh Điện Biên theo đơn vị hành chính	18
Hình 1-5: <i>GRDP tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020, giá so sánh 2010</i>	19
Hình 1-6: Cơ cấu tổng chi Ngân sách nhà nước cho KH&CN tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020	20
Hình 1-7: Biểu thống kê nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo nhóm lĩnh vực	25
Hình 1-8: Biểu tỷ lệ phân bổ nhiệm vụ KH&CN tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 theo nhóm lĩnh vực	25
Hình 1-9: Sở KH&CN kiểm tra thực hiện dự án “Xây dựng mô hình nuôi gà J-DABACO trên đệm lót sinh học” tại trại thí nghiệm thực hành Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Điện Biên.....	29
Hình 1-10: Sở KH&CN Phối hợp Cục Sở hữu trí tuệ triển khai nội dung xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm địa phương	30
Hình 1-11: Phát triển Chỉ dẫn địa lý của tỉnh “Gạo Điện Biên”	31
Hình 1-12: Công tác kiểm tra an toàn bức xạ phòng chụp X Quang tại các cơ sở, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Điện Biên.....	32
Hình 1-13: Công tác rà soát, xây dựng dữ liệu đo phóng xạ trên địa bàn tỉnh Điện Biên	33
Hình 1-14: Công tác kiểm định công tơ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.....	34
Hình 1-15: Hình ảnh mã QR trên bao bì sản phẩm Gạo lứt Sến Cù và Tem truy xuất nguồn gốc cho cây đào tỉnh Điện Biên.....	35
Hình 1-16: Viện năng suất chất lượng Việt Nam tổ chức Hội nghị tập huấn” Đánh giá viên nội bộ HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại tỉnh Điện Biên	36
Hình 1-17: Công tác thanh tra, kiểm tra ngành Khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.....	37
Hình 1-18: Sở KH&CN cải cách thủ tục hành chính, đăng tải trên Cổng dịch vụ công tỉnh Điện Biên.....	39
Hình 1-19: Bảng xếp hạng các chỉ số Par Index 2020 của các tỉnh	39
Hình 1-20: Một số sản phẩm OCOP của tỉnh Điện Biên	40
Hình 1-21: Sự kiện Trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP của tỉnh Điện Biên và các tỉnh miền núi phía Bắc năm 2020	41
Hình 1-22: Mô hình áp dụng KHCNC tiêu biểu: trồng cây mắc ca ở huyện Tuần Giáo [hình trái] và trồng cà chua trong nhà kính ở huyện Điện Biên [hình phải]	44
Hình 1-23: Tỉnh Điện Biên mở lớp đào tạo phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử trên địa bàn	47
Hình 1-24: Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Điện Biên	53
Hình 1-25: Hội nghị tập huấn về “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên”	54
Hình 1-26: Ưu tiên phát triển Công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Điện Biên”	68
Hình 27: Công nghệ vật liệu mới – Chìa khóa cho phát triển tiến bộ công nghệ.	70
Hình 1-28: Xu hướng công nghệ vật liệu mới - Chìa khóa cho phát triển tiến bộ công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên”	70
Hình 1-29: Ưu tiên tiến bộ KHKT thúc đẩy ngành Nông nghiệp CNC.....	71

Hình 1-30: Ứng dụng CNC – cải thiện hiệu quả công tác khám chữa bệnh71

DANH TỪ VIẾT TẮT

BKHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
ĐMST	Đổi mới sáng tạo
KTXH	Kinh tế xã hội
NNCNC	Nông nghiệp công nghệ cao
QH	Quy hoạch
HĐND	Hội đồng nhân dân
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
QĐCTĐT	Quyết định chủ trương đầu tư
CMCN	Cách mạng công nghiệp
HTX	Hợp tác xã
TFP	Năng suất nhân tố tổng hợp
VietGap	Tiêu chuẩn, quy chuẩn về sản xuất
OCOP	Chương trình phát triển kinh tế nông thôn
DTTS	Dân tộc thiểu số

PHẦN MỞ ĐẦU

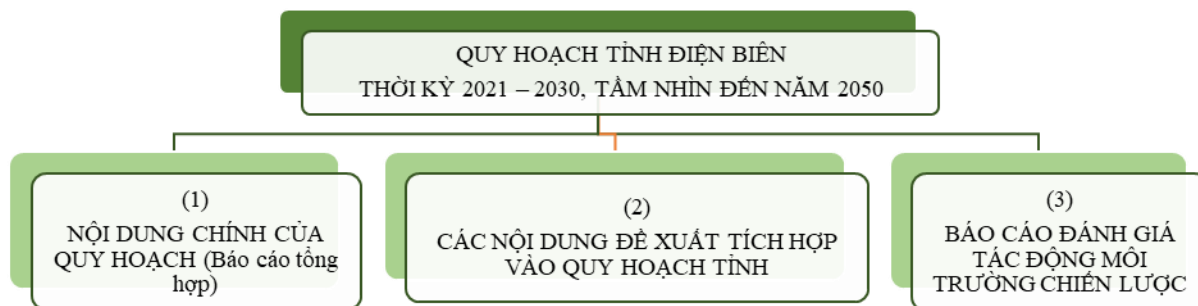
1. Mục tiêu và yêu cầu phối hợp triển khai thực hiện nội dung đề xuất tích hợp trong quy hoạch tỉnh

+ Mục đích triển khai thực hiện:

Nội dung đề xuất là một trong những nhiệm vụ được thực hiện trong quá trình lập quy hoạch tỉnh. Nội dung đề xuất được xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch sẽ được phân công đến các cơ quan, tổ chức liên quan để lập và tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Quá trình triển khai cần thực hiện, rà soát, đồng nhất số liệu, đánh giá thực trạng phát triển các vấn đề liên quan trong Nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp của liên quan đến góc độ quản lý của các Sở, ngành và địa phương trong thời gian qua để xây dựng phương án phát triển cho thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

Việc sử dụng kết quả nghiên cứu đầu ra của các Nội dung đề xuất để tích hợp vào quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không mâu thuẫn lẫn nhau trong hoạt động quy hoạch. - Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành quá trình phát triển chung của tỉnh.

+ Yêu cầu chung về triển khai và phối hợp thực hiện:



Nội dung đề xuất tích hợp trong thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh

Yêu cầu về triển khai và phối hợp thực hiện: căn cứ các quy định của pháp luật về quy trình lập Quy hoạch tỉnh tại Điểm c, Khoản 4, Điều 16 Luật Quy hoạch và Khoản 1, 2, Điều 13, Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh có trách nhiệm “Đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch”.

2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

2.1. Phạm vi nghiên cứu:

* Về không gian:

+ Phạm vi lập quy hoạch toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên, quy mô khoảng 9.541,25 km²;

+ Có tọa độ địa lý từ 20°54' – 22°33' vĩ độ Bắc và 102°10' – 103°36' kinh độ Đông;

* Về thời gian:

+ Khảo sát hiện trạng mạng lưới cơ sở khoa học – công nghệ tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011 – 2020;

+ Định hướng phương án phát triển mạng lưới cơ sở khoa học – công nghệ tỉnh Điện Biên cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

2.2. Đối tượng nghiên cứu:

+ Phương án phát triển mạng lưới cơ sở khoa học – công nghệ tỉnh Điện Biên trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

+ Các định hướng và giải pháp, các phương án phát triển ngành khoa học công nghệ tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

3. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng tổng hợp các phương pháp, đó là:

- Phương pháp kế thừa và tích hợp;
- Phương pháp điều tra tổng hợp;
- Phương pháp khảo sát kỹ thuật;
- Phương pháp phân tích kinh tế;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp phân tích GIS;
- Và một số các phương pháp khác có liên quan.

4. Cơ sở pháp lý

Để có cơ sở đề xuất tích hợp phát triển mạng lưới cơ sở khoa học – công nghệ vào Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050, định phương quy hoạch phát triển ngành khoa học công nghệ được thực hiện dựa trên các cơ sở pháp lý sau:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 thông qua ngày 19/6/2015;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 thông qua ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến Quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/06/2013;
- Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh của liên quan đến quy hoạch;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch 2017;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch 2017;
- Quyết định số 301/QĐ – TTg ngày 05/03/2021 Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;
- Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2019;
- Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

- Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 16/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27 tháng 09 năm 2019 của Bộ Chính Trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 05 năm 2017 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng Công Nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 749/NQ-CP ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Văn bản số 1399/BKHCN-ĐTGT ngày 31 tháng 05 năm 2021 của Bộ Khoa học và công nghệ về hướng dẫn nội dung KH,CN&ĐMST trong quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các văn bản pháp lý khác liên quan;

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Khái quát về Điện Biên

1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Điện Biên nằm trong vùng vùng Tây Bắc đặt trong mối liên kết của Quốc gia, khu vực tam giác tăng trưởng Việt Nam – Lào – Trung Quốc. Có tọa độ địa lý từ 20o54' – 22o33' vĩ độ Bắc và 102o10' – 103o36' kinh độ Đông.

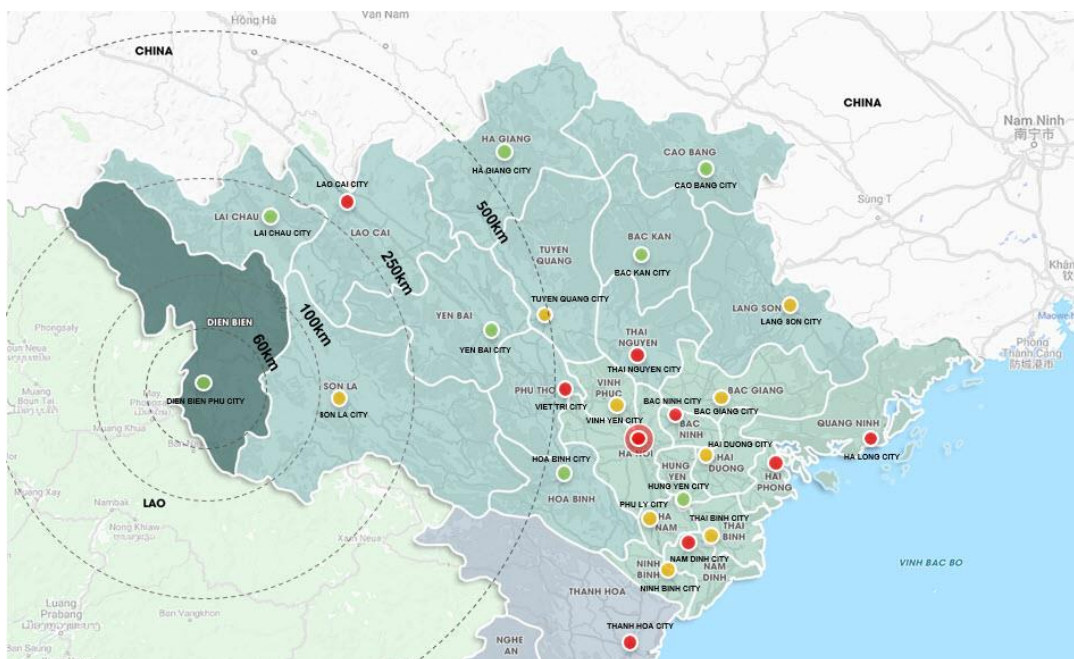
+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu

+ Phía Tây - Tây Nam giáp tỉnh Phông Xa Ly, Luông Prabăng nước CHDCND Lào.

+ Phía Đông - Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam nước CHND Trung Hoa.

Tỉnh Điện Biên có tổng diện tích tự nhiên là 9.541,25 km², dân số 613.480 người, gồm 10 đơn vị hành chính là: Thành phố Điện Biên Phủ, Thị xã Mường Lay và các huyện: Mường Nhé, Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Ảng và Nậm Pồ.



Hình 1-1: Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng.

1.2. Điều kiện tự nhiên

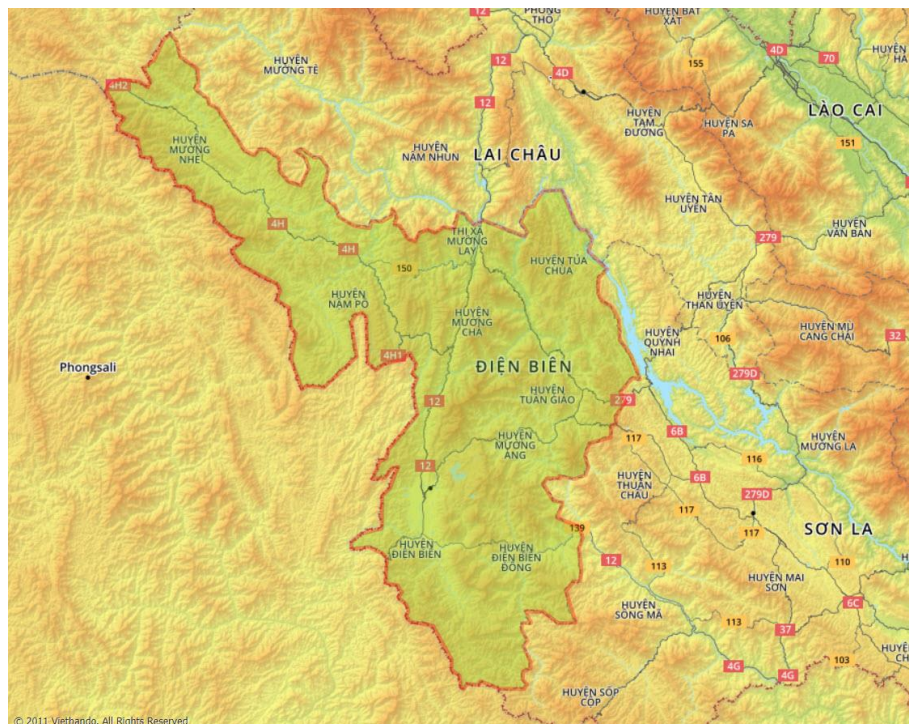
1.2.1. Địa hình địa mạo

Điện Biên có địa hình rất phức tạp, được cấu tạo bởi những dãy núi chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Cao độ biến đổi từ 200-1.800m. Trên 70% diện tích tự nhiên của tỉnh có độ dốc lớn hơn 25%. Địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam và nghiêng dần từ Tây sang Đông. Phía biên giới Việt Lào có đỉnh Pu Đen Đinh 1.886m và Phu Can Ke 1.589m. Xen kẽ giữa núi cao là những thung lũng sâu và hẹp, trong đó đáng kể là thung lũng Mường Thanh có diện tích 15.000 ha

- Địa hình núi cao và núi cao trung bình: Núi cao trung bình, cao độ phổ biến 100-1500m chiếm diện tích lớn nhất tập trung ở phía Bắc, độ dốc trung bình 20-25%, bị chia cắt sâu và ngang. Núi cao 1.500- trên 2.000m chiếm diện tích nhỏ, bao gồm những dãy núi riêng biệt như dãy Việt - Lào, Pa Sam Cáp hoặc các bậc địa hình kề cận dãy Hoàng Liên Sơn, dãy núi Việt Trung.

- Địa hình đồi bát úp: Được hình thành bởi dãy đồi hoặc nhóm đồi riêng biệt ở dạng bát úp. Cao độ trung bình 600-1.000m tập trung chủ yếu ở phía Nam và ven vùng lòng chảo Điện Biên, độ dốc trung bình 10- 20%, phù hợp với cây công nghiệp.

- Địa hình thung lũng: Nằm xen các dãy núi và cao nguyên, được hình thành chủ yếu do quá trình bồi tụ. Cao độ nhỏ hơn 500m, độ dốc trung bình nhỏ hơn 10%, tương đối bằng phẳng như thung lũng Điện biên, Tuần Giáo, Mường Chà.



Hình 1-2 : Sơ đồ phân bố cao độ địa hình tỉnh Điện Biên

1.2.2. Địa chất

Tỉnh Điện Biên chưa có khảo sát và đánh giá về lĩnh vực này ở quy mô toàn tỉnh nên chưa có kết luận về địa tầng và khả năng chịu tải của nền đất. Tuy nhiên qua thực tế từ các công trình đã xây dựng trong địa bàn tỉnh cho thấy nền đất xây dựng công trình tương đối thuận lợi, cường độ chịu tải của đất tương đối tốt ($R > 1,5 \text{ kg/cm}^2$); Ít phải gia cố xử lý nền móng nếu không tính đến ảnh hưởng của tai biến địa chất như động đất là tai biến địa chất đặc trưng của tỉnh Điện Biên do nằm trên các Đới động đất:

- Đới động đất Mường Tè: Phát triển dọc theo đới phá huỷ cùng tên có phương TBĐN. Đây là đới hoạt động động đất khá mạnh và có thể còn kéo dài về phía TB (sang lãnh thổ Trung Quốc). Cực đại động đất quan sát được nằm ở mức mạnh ($M_s = 7,0-7,9$ độ Richter).

- Đới động đất Phong Sa Li: Phát triển dọc theo đới phá huỷ cùng tên có phương ĐB-TN. Đây là đới hoạt động động đất khá mạnh và nằm chủ yếu trên phạm vi lãnh thổ Lào. Động đất cực đại đã quan sát được nằm ở mức cao ($M_s = 6,0-6,9$ độ Richter).

- Đới động đất Lai Châu - Điện Biên: Phát triển dọc theo đới đứt gãy cùng tên có phương kinh tuyến. Đây là đới hoạt động động đất mức trung bình với chấn cấp $M_s = 5,0-5,9$ độ Richter (cả trên lãnh thổ Trung Quốc và lãnh thổ Lào).

- Đới động đất Sông Đà - Sơn La: Phương TB-ĐN phát triển dọc theo hệ thống đứt gãy Sơn La - Sông Đà. Trong phạm vi đới này đã quan sát được nhiều trận động đất có $M_s > 5,0$, đặc biệt là động đất Yên Định, 1635 ($M_s = 6,7$) và Tuần Giáo, 1983 ($M_s = 6,7$ độ Richter).

- Đới động đất Điện Biên - Thái Hòa: Phương TB-ĐN kéo dài từ Điện Biên qua Sầm Nưa tới Thái Hòa, Tĩnh Gia. Trong phạm vi đới này đã xảy ra các trận động đất mạnh nhất ở Việt Nam, như động đất Điện Biên năm 1935 với $M_s = 6,8$ độ Richter.

1.2.3. Thủy văn

Thủy văn: Điện Biên nằm ở khu vực đầu nguồn 3 con sông lớn là sông Đà, sông Mã, sông Mê Kông. Toàn tỉnh có hơn 1.000 sông, suối lớn nhỏ thuộc 3 hệ thống sông chính.

+ Lưu vực Sông Đà (bao gồm: TX. Mường Lay, H. Mường Nhé, H. Mường Chà, H. Tủa Chùa): Có diện tích lưu vực 7.200 km², phần lưu vực sông Đà thuộc địa phận tỉnh Điện Biên có 5 phụ lưu, đó là: Lưu vực sông Nậm Ma (dòng chính dài 63km); lưu vực sông Nậm Bum (dòng chính 36km); lưu vực sông Nậm Pô (dòng chính dài 103km); lưu vực sông Nậm Mực (dòng chính dài 86km); lưu vực sông Nậm Muôi (dòng chính dài 50km).

+ Lưu vực Sông Nậm Rốm (bao gồm: TP. Điện Biên Phủ, một phần H. Điện Biên): Có diện tích lưu vực 850 km² với các nhánh chính là sông Nậm Rốm, Nậm Lúa. Sông Nậm Rốm bắt nguồn từ phía Bắc huyện Điện Biên, qua thành phố Điện Biên Phủ, đến xã Pa Thơm (huyện Điện Biên) rồi chảy sang Lào. Các phụ lưu chính của sông Nậm Rốm là: Nậm Phăng, Nậm Khẩu Hú, Nậm Cọ. Sông Nậm Núa bắt nguồn từ độ cao 1.200m tại xã Mường Nhà, phía Nam lòng chảo Điện Biên, phụ lưu lớn nhất của sông Nậm Núa là suối Nậm Ngám.

+ Lưu vực Sông Mã (bao gồm: H. Tuần Giáo, H. Mường Ảng, H. Điện Biên Đông, một phần H. Điện Biên) có diện tích lưu vực: 2.850 km² bao gồm các phụ lưu: Nậm Khon và Nậm Mạ. Phần lưu vực sông Mã thuộc tỉnh Điện Biên có phụ lưu chính: sông Nậm Khoai thuộc huyện Tuần Giáo (dòng chính dài 62,5km) và Sư Lư thuộc huyện Điện Biên Đông (dòng chính dài 39km).

Đặc thù sông suối dốc, nhiều thác, ghềnh có lượng dòng chảy lớn. Lượng dòng chảy các sông suối giảm dần từ phía Bắc xuống phía Nam.

1.2.4. Khí hậu

Điện Biên thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa núi cao. Trong năm có hai mùa rõ rệt. Mùa đông tương đối lạnh, ít mưa và sương muối vừa, kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Mùa hạ từ tháng 4 đến tháng 10: nóng, mưa nhiều với các đặc tính diễn biến bất thường, phân hoá đa dạng. Khu vực chịu ảnh hưởng vừa của gió Tây Nam khô nóng, ít chịu ảnh hưởng của bão.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm 20-22°C, nhiệt độ cao nhất 38-42°C. Nhiệt độ thấp nhất 0-5°C, tháng lạnh nhất vào tháng 1 (phổ biến từ 9-12°C). Các tháng có nhiệt độ trung bình < 20°C (phổ biến từ tháng 11-tháng 3), các tháng có nhiệt độ trung bình > 25°C (phổ biến từ tháng 5 - tháng 9) và chỉ xảy ra ở những khu vực có cao độ < 500 m.

- Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng: 1.700 mm-2.500 mm, mưa tập trung theo mùa. Mùa mưa, lượng mưa chiếm khoảng 75%-80% tổng lượng mưa cả năm, mùa khô kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau. Mưa đá thường xuất hiện vào cuối mùa khô tháng 3,4.

- Gió: Yếu tố gió phụ thuộc vào địa hình rất nhiều song nhìn chung có 3 hướng gió chính: Gió Đông Nam, gió mùa Đông Bắc và gió Tây Nam. Gió mùa Đông Bắc xuất hiện từ tháng 10-tháng 3 năm sau, gió Lào thường xuất hiện từ tháng 3-tháng 5. Vận tốc gió trung bình từ 1-1,9m/s, tốc độ gió lớn nhất 40m/s.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm trung bình cả năm: 84%-88%, tháng có độ ẩm tương đối cao nhất 87%-90% (tháng 7). Tháng có độ ẩm tương đối thấp nhất 75%-85% (tháng 3).

- Nắng: Số giờ nắng trung bình cả năm: 1.962 giờ - 1.986 giờ.

1.3. Điều kiện xã hội

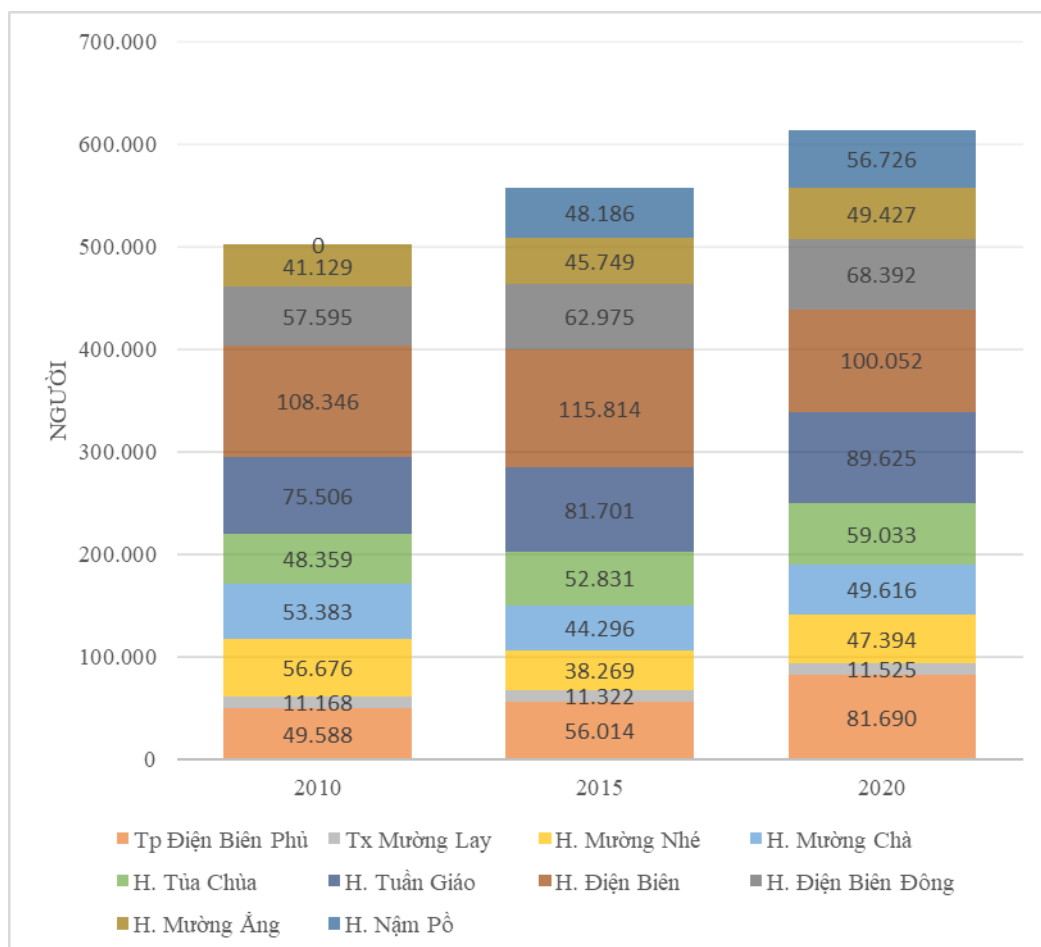
1.3.1. Dân số và phân bố dân cư

a. Dân số và đô thị hóa

Dân số giai đoạn 2010-2020 tăng trưởng mức 2,03%/năm cao hơn mức tăng trưởng dân số của cả nước khoảng 1%. Năm 2020 dân số toàn tỉnh đạt (613.480 người) tăng 111.730 người so với năm 2010 (501.750 người). Mật độ dân số tỉnh năm 2020 đạt (64,31 người/km²) thấp hơn vùng trung du miền núi phía Bắc là 134 người/km², cả nước là 295 người/km². Mật độ dân số phân bố không đều, địa phương có mật độ dân cư lớn nhất thành phố Điện Biên 266,46 người/km², thấp nhất huyện Mường Nhé 30,2 người/km², huyện Nậm Pồ

37,93 người/km².

Về tỷ lệ dân số theo giới tính của tỉnh cũng luôn duy trì ở mức độ ổn định tuy nhiên có xu hướng tăng tỷ lệ nam và giảm tỷ lệ nữ. Trong năm 2020 dân số nam 311.462 người chiếm 50,77%, dân số nữ 302.018 người, chiếm 49,23%.



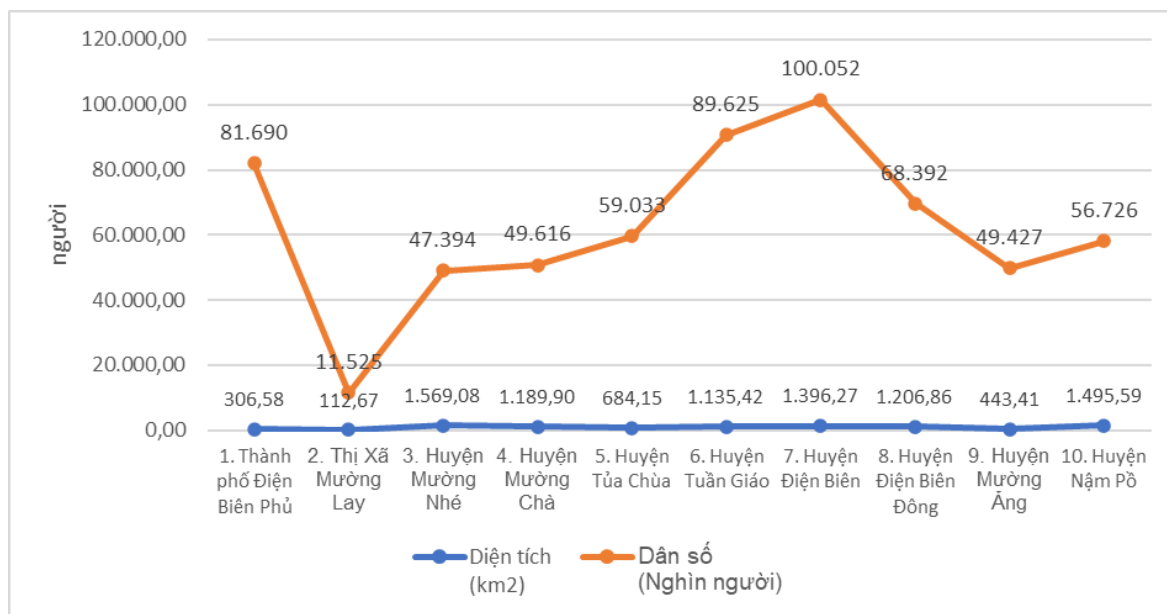
Hình 1-3 : Biểu đồ dân số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2010-2020

Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Điện Biên còn rất chậm và đang có xu hướng tăng dần theo các năm. Tỷ lệ dân số đô thị tỉnh gần như không tăng và có xu hướng giảm từ năm 2010 đến năm 2020 luôn giữ ở mức 14,1%-14,88%, thấp hơn trung bình vùng là 20% và thấp hơn tỷ lệ đô thị hóa trung bình cả nước là 37%.

b. Phân bố dân cư

Tính đến 2020, dân số tỉnh Điện Biên là 613.480 người, mật độ dân số bình quân 64,31 người/km². Tập trung cao nhất tại thành phố Điện Biên Phủ (266,46 người/km²), huyện Mường Ảng (111,47 người/km²), Thị Xã Mường Lay (102,29 người/km²). Dân cư tập trung thưa thớt hơn tại các huyện Mường

Nhé (30,2 người/km²), Nậm Pồ (37,93 người/km²), Mường Chà (41,7 người/km²).



Hình 1-4 : Biểu đồ phân bố dân số tỉnh Điện Biên theo đơn vị hành chính

1.3.2. Lao động và nguồn lực

Năm 2020, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của tỉnh là 360 ngàn người (chiếm 58,7% tổng dân số), trong đó có 52,6 ngàn người ở thành thị (chiếm tỷ lệ 14,6%) và 307,9 ngàn người ở nông thôn (chiếm tỷ lệ 85,39%). Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm là 359 ngàn người (năm 2020), chiếm 58,5% tổng dân số toàn tỉnh (vùng TDMNPB 61,5%; cả nước 57,8%). So với mức bình quân của cả nước thì Điện Biên đang có lợi thế hơn về nguồn nhân lực.

Giai đoạn 2011-2020 LLLĐ khu vực nông thôn chiếm tỷ trọng lớn từ 84,94% đến 86,19%, và có xu hướng giảm dần theo các năm, LLLĐ khu vực thành thị chiếm tỷ trọng 13,5% đến 15% qua các năm và có xu hướng tăng dần, sự dịch chuyển gia tăng LLLĐ khu vực đô thị cho thấy tốc độ đô thị hóa đang diễn ra tại các đô thị.

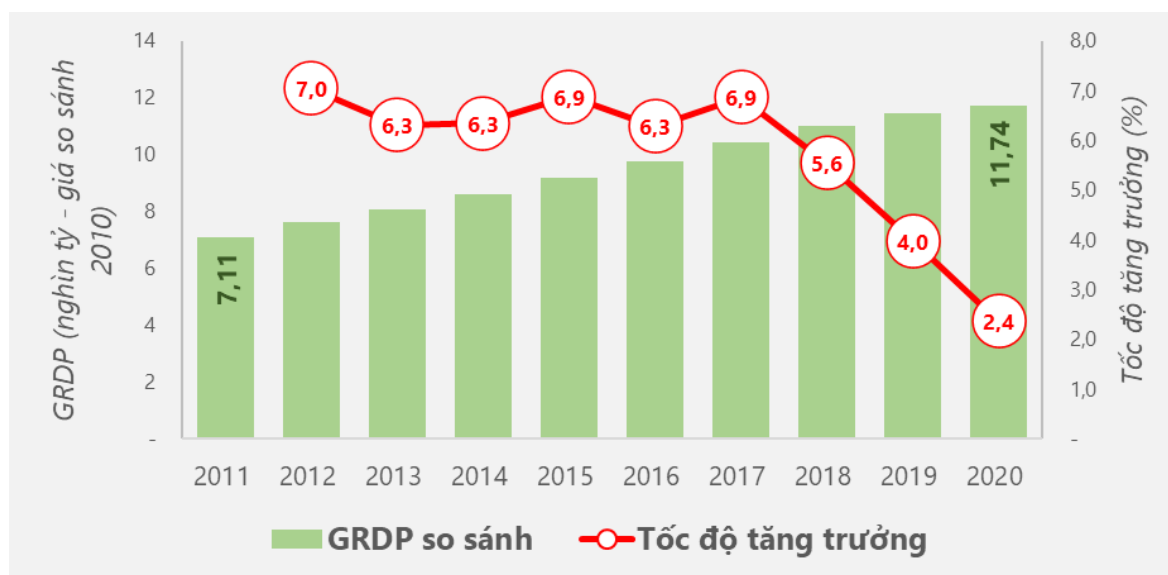
Quy mô lực lượng lao động (LLLĐ) tăng từ 282 ngàn người năm 2011 lên 319 ngàn người năm 2015 và đạt 360 ngàn người năm 2020. Giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng bình quân của LLLĐ của tỉnh là 4 %/năm (Vùng tăng 1,6%/năm; cả nước tăng 1,5%/năm); giai đoạn 2016-2020 tăng 2,4%/năm (Vùng 1%/năm; cả nước 0,7%/năm). Giai đoạn 2011-2015, bình quân mỗi năm LLLĐ của tỉnh tăng khoảng 12 nghìn người; giai đoạn từ 2016-2020 bình quân mỗi năm tăng khoảng 8 nghìn người.

Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh trong những năm qua đã được nâng lên nhanh, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng phát triển kinh tế xã hội. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo năm 2020 đạt 27,42% (Vùng TDMNPB 19%, cả nước 23,5%), tăng 10,32% so với năm 2011 (Vùng tăng 5,7%; cả nước tăng 7%). Tốc độ tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh giai đoạn 2011-2020 đạt 6,08%/năm, cao hơn mức tăng bình quân của vùng TDMNPB (3,6%/năm) và cả nước (3,6%/năm).

1.4. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.4.1. Quy mô, tốc độ tăng trưởng GRDP

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành của Điện Biên tăng đều đặn qua các năm, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng đang có dấu hiệu giảm dần. Năm 2020, GRDP theo giá hiện hành đạt 20,36 nghìn tỷ đồng tăng 5,3%, tương ứng tăng 1,02 nghìn tỷ đồng so với năm 2019. So với năm 2010, GRDP theo giá hiện hành của tỉnh tăng lên gần ba lần, tương đương với 13,53 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2011-2020 là 11,66%, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng không ổn định mà giảm mạnh và liên tục trong giai đoạn từ 2011 đến 2015 (tốc độ tăng trưởng giảm từ 25,7% năm 2011 xuống chỉ còn 8,2% trong năm 2015. Sau năm 2015, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh tăng nhẹ trong hai năm 2016 và 2017 nhưng rồi lại tiếp tục sụt giảm trong giai đoạn từ 2018 đến 2020.



Hình 1-5: GRDP tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020, giá so sánh 2010

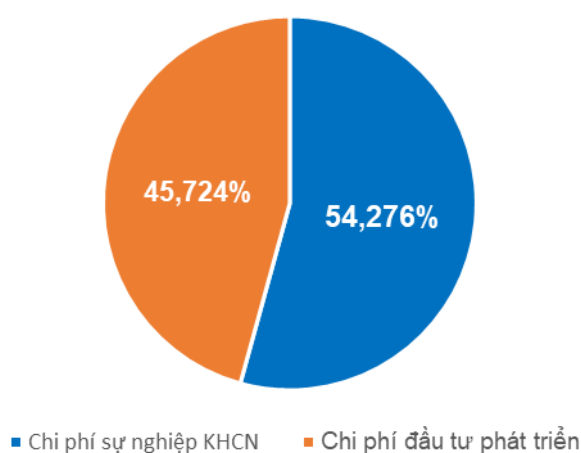
2. Thực trạng phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020

2.1. Nguồn lực phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020

2.1.1. Đầu tư ngân sách Nhà nước cho KH&CN

Đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN và ĐMST) đang là vấn đề được quan tâm của các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế - xã hội, ngành khoa học đã tích cực quan tâm tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách và triển khai nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ thiết thực để tăng cường thu hút đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của tỉnh Điện Biên từ năm 2016 đến 2020 là 99.510 triệu đồng. Trong đó kinh phí sự nghiệp KH&CN là 54.010 triệu đồng, bằng 85%; Kinh phí chi cho đầu tư phát triển là 45.500 triệu đồng (nguồn chi cho đầu tư phát triển Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý). Kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN trung bình hằng năm là triệu đồng.



Hình 1-6: Cơ cấu tổng chi Ngân sách nhà nước cho KH&CN tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020

(Nguồn: Số liệu Sở KH&CN tỉnh cung cấp)

Đối với việc thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ, sức cạnh tranh; tích cực thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, quốc gia để hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp thu làm chủ công nghệ, kỹ thuật mới. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN còn thực hiện đổi ứng về vốn, nhân lực, cơ sở vật chất trang thiết bị để thực hiện có hiệu quả các mô hình, qua đó xây dựng được vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, theo hướng sản xuất an toàn phục vụ cho

hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhìn chung ngân sách nhà nước chi cho KH&CN của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 mới chỉ đạt% GRDP của tỉnh; chưa đảm bảo tối thiểu 2% theo Điều 49 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. Nguồn ngân sách địa phương còn hạn hẹp, công tác xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ còn gặp nhiều khó khăn, ngân sách dành cho nghiên cứu khoa học chủ yếu từ ngân sách Trung ương, tuy có tăng qua các năm nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động

2.1.2. Đầu tư cho phát triển KH&CN

Trong những năm gần đây, tỉnh Điện Biên quan tâm chú trọng tới công tác đầu tư tiềm lực cơ sở vật chất cho KH&CN tỉnh. Giai đoạn 2016-2020 Sở KH&CN được phê duyệt 04 dự án đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, trong đó: đã thực hiện 01 dự án “Nâng cao năng lực Trung tâm thông tin và ứng dụng tiên bộ KH&CN” với tổng số vốn được phê duyệt là 12.210 triệu đồng, thực hiện năm 2015-2016; 03 dự án được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025, đã được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng kinh phí được phê duyệt là 27 tỷ đồng.

Việc đầu tư hệ thống trang thiết bị đã được nâng cao năng lực cho các đơn vị sự nghiệp của Sở KH&CN. Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Các ngành kinh tế khác như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ,... chưa phát triển mạnh, xuất phát điểm thấp nên có nhiều hạn chế trong việc đầu tư cho KH&CN.

Trong giai đoạn tới để tạo nguồn lực cho sự phát triển hiệu quả và bền vững của KH&CN, tỉnh cần đầu tư chú trọng, bổ sung nguồn kinh phí hỗ trợ các đơn vị trên địa bàn. Đảm bảo đủ kinh phí áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, tăng cường các dự án khoa học với các mô hình kinh tế trang trại thúc đẩy sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2.1.3. Bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN

Bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về KH&CN của tỉnh đứng đầu là Sở Khoa học và công nghệ. Trong đó các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Sở KH&CN gồm 05 đơn vị:

- Văn phòng Sở.
- Thanh tra Sở.

- Phòng Kế hoạch Quản lý khoa học.
- Phòng Quản lý Công nghệ, an toàn bức xạ, hạt nhân, sở hữu trí tuệ.
- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Ngoài ra, ở cấp huyện và địa phương, nhiệm vụ tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN ở cấp huyện được đặt tại một trong các phòng: Kinh tế hạ tầng, Kinh tế ở thành phố. Đặc điểm do nguồn lực cán bộ có năng lực chuyên môn KH&CN còn hạn chế, nên các địa phương chưa bố trí được cán bộ chuyên trách về KH&CN, 100% đều dưới hình thức kiêm nhiệm. Đây là một trong những khó khăn rất lớn cho công tác quản lý nhà nước về KH&CN tại các địa phương trong tỉnh.

2.1.4. Nguồn nhân lực, cán bộ nghiên cứu KH&CN

Tính đến hết năm 2020, theo số liệu Chi cục thống kê tỉnh Điện Biên khảo sát, số lượng nguồn nhân lực hoạt động KH&CN trong các tổ chức đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh là 548 người với độ tuổi trung bình dưới 45 tuổi chiếm tỷ lệ lớn 68%, trong đó tỷ lệ nhân lực là nữ giới là 325 người, chiếm tỷ lệ 59% tổng số. Nhìn chung tỷ lệ cán bộ nhân lực trẻ nhất là lĩnh vực đòi hỏi tính cập nhật liên tục như KH&CN của tỉnh ở mức tương đối cao. Tuy nhiên nguồn nhân lực chưa được dồi dào, còn hạn chế, dẫn đến tỷ lệ số cán bộ KH&CN/ 1 vạn dân thuộc nhóm các tỉnh thấp trong cả nước.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng, đội ngũ công chức, viên chức của Sở KH&CN từng bước được nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ đã cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành. Hằng năm tổ chức cử các lượt công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong những năm gần đây, một điểm đáng mừng cho việc phát triển KH&CN tỉnh Điện Biên nằm ở đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ cán bộ KH&CN tỉnh đã nhanh chóng triển khai thành công các nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học hiện đại vào thực tiễn sản xuất, đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên.

2.2. Thực trạng tham mưu, ban hành chiến lược phát triển KH&CN

Thực hiện chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã xây dựng và ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa định hướng nhiệm vụ phát triển

KH&CN của chiến lược đề tổ chức, thực hiện trên địa bàn.

Sở KH&CN với chức năng tham mưu cho Tỉnh ủy và UBND ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể về hoạt động KH&CN tiêu biểu như: quy định “Tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên”; “Quy định đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên;.....

Tỉnh ủy và UBND tỉnh ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật định hướng hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh theo sự chỉ đạo của Chính phủ, của Bộ Khoa học và Công nghệ. UBND tỉnh ban hành các Quyết định về: phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm, thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, xét công nhận Sáng kiến cấp tỉnh... Tỉnh ban hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống văn bản pháp lý về KH&CN đồng bộ, phù hợp với thực tiễn, các quy định ngày càng chặt chẽ, có hiệu lực cao qua các giai đoạn.

2.3. Thực trạng thực hiện các nhiệm vụ, nghiên cứu ứng dụng KH&CN

2.3.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp

Việc thực hiện các đề tài, dự án nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã mang lại những kết quả nhất định. Những sản phẩm, công nghệ, giống cây trồng, vật nuôi mới có giá trị kinh tế cao xuất phát từ các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được áp dụng rộng rãi vào thực tiễn sản xuất,... giúp nâng cao hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và tăng thu nhập cho người dân. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh Điện Biên đã triển khai thực hiện nhiều lượt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Là tỉnh nông nghiệp nên gần 70% đề tài, dự án về KH&CN nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp (với tổng kinh phí trên 60 tỷ đồng); còn lại 30% thuộc lĩnh vực văn hóa, du lịch và các lĩnh vực khác.

Thông qua việc triển khai các nhiệm vụ đã góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc quy hoạch phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh; xây dựng và nhân rộng các mô hình công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị các sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh.

a. Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

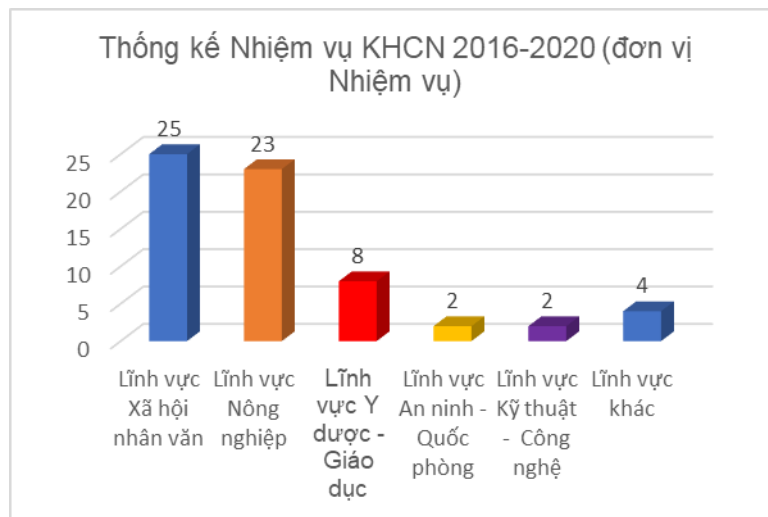
Giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh Điện Biên thực hiện 06 nhiệm vụ cấp Quốc gia trên địa bàn. Trong đó có 05 dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy kinh tế xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 2025 và 01 dự án thuộc nhiệm vụ cấp thiết của tỉnh Điện Biên.

Thông qua Chương trình, nhiều tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp – thủy sản đã đến được với người dân Điện Biên; góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh. Các dự án thuộc Chương trình đã tập trung giải quyết 03 vấn đề chính là chuyển giao và tiếp cận công nghệ; ứng dụng các công nghệ vào thực tế thông qua các mô hình ứng dụng; đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn cho nông dân nhằm đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho đội ngũ cộng tác viên cơ sở, người dân làm chủ và phát triển công nghệ tiên tiến thích hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên.

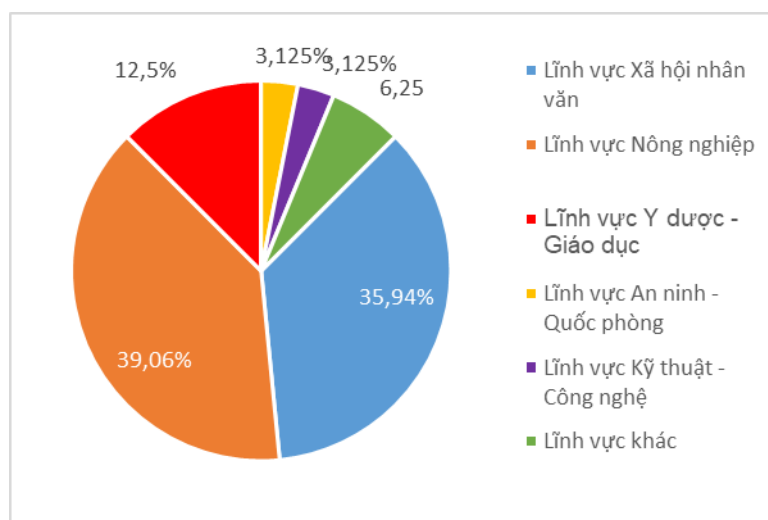
b. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Giai đoạn 2016 – 2020, trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã triển khai 64 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, gồm:

- Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học nông nghiệp là 25 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 39,06% tổng số nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học kỹ thuật - công nghệ là 02 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 3,125% tổng số nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội nhân văn là 23 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 35,94% tổng số nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học Y dược - Giáo dục là 8 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 12,5% tổng số nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học an ninh – quốc phòng là 02 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 3,125% tổng số nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ khác là 4 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 6,25% tổng số nhiệm vụ.



Hình 1-7: Biểu thống kê nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo nhóm lĩnh vực



Hình 1-8: Biểu tỷ lệ phân bổ nhiệm vụ KH&CN tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 theo nhóm lĩnh vực

(Nguồn: Số liệu Sở KH&CN tỉnh cung cấp)

Các nhiệm vụ triển khai trong lĩnh vực nông nghiệp góp phần cung cấp cho cơ sở Khoa học cho việc quy hoạch phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh Điện Biên, xây dựng và nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ cao vào nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị các sản phẩm nông sản chủ lực, nhất là các sản phẩm OCOP của tỉnh Điện Biên.

Đối với lĩnh vực văn hóa xã hội, giáo dục và dịch vụ, các nhiệm vụ tập trung vào nghiên cứu, bảo tồn, giữ gìn phát huy giá trị văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên. Phục vụ phát triển du lịch, góp phần cung cấp các cơ sở lý luận, thực

tiền trong việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội của tỉnh.

Lĩnh vực khoa học y dược, khoa học công nghệ góp phần quan trọng trong việc nâng cao ý thức trong công tác khám chữa bệnh, sản xuất các cây dược liệu quý.

Lĩnh vực khoa học quốc phòng – an ninh, tập trung nghiên cứu các đề tài, dự án trên cơ sở thực tiễn có các môi trường nguy hại đến an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh đề xuất các giải pháp làm cơ sở cơ thẩm quyền ban hành các chính sách góp phần ổn định đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

c. Nhiệm vụ KH&CN cấp huyện

Bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học kết hợp với nguồn kinh phí của các huyện, đến nay trên địa bàn các huyện đã triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, đã xây dựng 53 mô hình ứng dụng KH&CN vào sản xuất điển hình như: Mô hình trồng cây ăn quả, mô hình chăn nuôi gia cầm, mô hình trồng cây Sa nhân, mô hình trồng hồng giòn MC1, mô hình nuôi cá rô phi đơn tính bán thâm canh, mô hình nuôi gà thịt an toàn sinh học

Nhìn chung, hoạt động KH&CN các huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc triển khai ứng dụng KH&CN vào sản xuất đã có nhiều đóng góp tích cực, phục vụ thiết thực cho phát triển nông nghiệp, thúc đẩy thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

2.3.2. Công tác nghiên cứu và ứng dụng KH&CN

Triển khai nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào sản xuất là hướng đi đúng nhằm tăng năng suất và giá trị sản phẩm. Thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh, một số đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN đã được áp dụng rộng rãi vào trong sản xuất, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, như: Nuôi cá hồi tại xã Tênh Phong (huyện Tuần Giáo); nuôi các tầm thương phẩm tại Pe Luông (huyện Điện Biên); ghép nhãn nhân tạo tại TP. Điện Biên Phủ; xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu (huyện Điện Biên); phát triển hàng hóa sản phẩm Nếp Tan Na Son (huyện Điện Biên Đông); nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm Gạo (lúa) Điện Biên theo chuỗi giá trị; Ứng dụng tiến

bộ KH&CN phát triển sản xuất, chế biến cây thuốc Đương quy và Bạch chỉ tại tỉnh Điện Biên; mô hình đưa thông tin KHCN xuống một số xã biên giới tỉnh Điện Biên,...Nhiều mô hình sản xuất tiên tiến, kỹ thuật tiên bộ đã được chuyển giao và ứng dụng vào thực tiễn, góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trên 60% sản phẩm KHCN của các nhiệm vụ KHCN được áp dụng vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt, tạo đà cho việc ứng dụng nhanh các thành tựu KHCN vào sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng thu nhập, tạo việc làm cho nông dân, thực hiện mục tiêu chiến lược tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo.

a. Nhóm đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp

Điện Biên là tỉnh miền núi, kinh tế chậm phát triển, do vậy, phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn (NN&NT) có một vai trò quan trọng đối với Điện Biên. Đến nay nhiều địa phương xuất hiện các mô hình, cách làm hiệu quả trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào đời sống và sản xuất. Sở KH&CN phối hợp chặt chẽ với Sở NN&PTNT và với một số Trường Đại học, Viện nghiên cứu tạo ra các sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng cao theo hướng sản xuất hàng hóa và xây dựng nông thôn mới. Đồng thời nghiên cứu đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ ứng dụng KH&CN, nhất là ưu tiên áp dụng công nghệ sinh học về giống, bảo quản, chế biến nông lâm sản sau thu hoạch, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cho bà con nông dân.

Bước đầu tỉnh đã hình thành được các vùng sản chuyên canh; chăn nuôi phát triển theo hướng gia trại, trang trại. Đến thời điểm hiện nay các địa phương nơi triển khai dự án KH&CN, các doanh nghiệp với vai trò là đơn vị chủ trì đã được tiếp nhận và ứng dụng công nghệ qua đó đã chủ động duy trì phát triển sản xuất các giống cây trồng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

Việc ứng dụng hiệu quả những tiến bộ KH&CN, áp dụng chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi mới cũng như thay đổi phương thức canh tác đã tạo ra những chuyển biến trong sản xuất, tăng năng suất, thu nhập và cải thiện cuộc sống; thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển bền vững.

b. Nhóm đề tài, dự án thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn

Các đề tài, dự án đã góp phần tạo ra các luận cứ, cơ sở lý luận và thực tiễn để hỗ trợ công tác hoạch định chủ trương, chính sách của tỉnh Điện Biên trong phát triển kinh tế xã hội, ổn định an ninh chính trị. Đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, bảo tồn nét đặc trưng trong văn hóa của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

c. Nhóm đề tài, dự án thuộc lĩnh vực y tế

Các đề tài, dự án đã đánh giá được thực trạng tật khúc xạ ở học sinh Trung học phổ thông, tiểu học thành phố Điện Biên Phủ, tiến hành các biện pháp can thiệp cho học sinh Tiểu học. Kết quả đề tài là cơ sở khoa học để cấp thẩm quyền xây dựng kế hoạch chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho học sinh trên địa bàn toàn tỉnh nhằm giảm thiểu các nguy cơ mắc tật khúc xạ học đường cho học sinh.

Tuy nhiên Điện Biên là một tỉnh miền núi, địa hình chia cắt, thường xuyên gặp phải thiên tai (hạn hán, rét đậm, rét hại...) nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các nhiệm vụ KH&CN. Nguồn kinh phí hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu là từ nguồn ngân sách nhà nước. Hàm lượng Cùng đó sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong hoạt động khoa học và công nghệ có thời điểm còn chưa đồng bộ. Việc lồng ghép giữa các dự án khoa học và công nghệ với các chương trình kinh tế - xã hội khác chưa thực hiện tốt. Dẫn đến kết quả hoạt động nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

2.4. Thực trạng hỗ trợ sản xuất, kinh doanh phát triển KH&CN

2.4.1. Công tác quản lý công nghệ

Giai đoạn 2011-2020, tỉnh đặc biệt quan tâm công tác quản lý nhà nước về Quản lý khoa học, quản lý công nghệ và thị trường công nghệ, nhất là việc thẩm tra các dự án đầu tư vào tỉnh góp phần nâng cao hiệu quả của các nhà đầu tư, hạn chế việc nhập công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Ngành Khoa học và công nghệ đã góp ý thẩm tra cho nhiều dự án đầu tư (19 lượt dự án), thu thập thông tin khảo sát nhu cầu đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp; đánh giá trình độ công nghệ của doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh, từ đó kiến nghị

đề xuất với tỉnh trong việc xem xét chủ trương đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp phù hợp và hiệu quả.

Hằng năm Sở cũng tổ chức các hội thảo khoa học; kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN; tổ chức các hội đồng cơ sở nghiệm thu sản phẩm khoa học công nghệ thuộc các đề tài, dự án do Hội đồng KH&CN của tỉnh tổ chức.



Hình 1-9: Sở KH&CN kiểm tra thực hiện dự án “Xây dựng mô hình nuôi gà J-DABACO trên đệm lót sinh học” tại trại thí nghiệm thực hành Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Điện Biên

2.4.2. Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

Với mục đích bảo đảm quyền lợi cho các đối tượng liên quan và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nhận thức được tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ (SHTT) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực tham mưu UBND tỉnh triển khai các hoạt động về sở hữu trí tuệ; đồng thời thực hiện các giải pháp để hoạt động SHTT lan tỏa đến các tổ chức, cá nhân trong toàn tỉnh.

Công tác sở hữu trí tuệ triển khai tập huấn, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân và người dân về đăng ký các lập quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ. Sở KH&CN đã hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho 17 cơ sở gồm 14 cơ sở đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, 02 cơ sở đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và 01 cơ sở đăng ký bảo hộ sáng chế. Tính đến cuối năm 2020, tỉnh

đã có hơn 103 đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ với 53 văn bằng đã được cấp.

Để các tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ cũng như đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản, Sở Khoa học và Công nghệ đã chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ. Bên cạnh tuyên truyền thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức 2 hội nghị tập huấn: “Xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm địa phương”; “Quản lý và phát triển CDDL cho sản phẩm gạo Điện Biên của tỉnh Điện Biên” cho các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh gạo Điện Biên, các sản phẩm đặc sản của tỉnh Điện Biên, các sản phẩm OCOP... Tỉnh triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện quy định về ghi nhãn hàng hóa, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, hoàn thiện mẫu mã, bao bì sản phẩm hàng hóa, đăng ký bảo hộ Sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm OCOP trên địa bàn Thị xã Mường Lay và huyện Tủa Chùa.



Hình 1-10: Sở KH&CN Phối hợp Cục Sở hữu trí tuệ triển khai nội dung xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm địa phương

Đặc biệt với một tỉnh có lợi thế sản xuất phát triển sản phẩm lúa gạo nông nghiệp. Tỉnh triển khai thực hiện dự án “Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý Điện Biên cho sản phẩm gạo của tỉnh Điện Biên”. Việc chỉ dẫn địa lý Điện Biên cho sản phẩm gạo đóng vai trò tích cực trong việc khẳng định chất lượng và sự khác biệt của sản phẩm, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng, mở rộng thị

trường...là yếu tố quan trọng nâng cao giá trị và sức cạnh tranh cho loại nông sản này. Hiện nay, ở Điện Biên đã có 2 sản phẩm gạo được cấp chứng nhận Chỉ dẫn địa lý, đó là Bắc thơm số 7 và IR64. Cả 2 sản phẩm gạo này, đều được gieo cấy trên cánh đồng Mường Thanh (Cánh đồng lớn nhất khu vực Tây Bắc). Sản lượng lúa ở cánh đồng Mường Thanh chiếm trên 80% sản lượng lúa của huyện Điện Biên và chiếm hơn 50% sản lượng lúa của toàn tỉnh. Hạt gạo được kiểm soát từ khâu chọn giống, gieo cấy, chăm sóc, cho đến thu hoạch, chế biến và bảo quản.



Hình 1-11: Phát triển Chỉ dẫn địa lý của tỉnh “Gạo Điện Biên”

Trên hệ thống chỉ dẫn địa lý Quốc gia giai đoạn 2011-2020

Tuy nhiên, hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, như: kinh phí dành cho hoạt động sở hữu trí tuệ còn hạn chế nên mới chỉ dừng lại ở việc tập huấn, tuyên truyền; số lượng đơn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp còn ít; nhận thức về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế. Ngoài ra, nhiều sản phẩm đặc sản địa phương chưa được các doanh nghiệp và chính quyền địa phương đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận...

2.4.3. Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân

Hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân có nhiều chuyển biến tích cực. Các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn tỉnh đã có những bước thay đổi đáng kể về mọi mặt, nhận thức về pháp luật an toàn bức xạ ngày một nâng cao,

tuân thủ ngày một tốt hơn các quy định đảm bảo an toàn bức xạ theo Luật Năng lượng nguyên tử.

Tính đến nay, theo thống kê trên địa bàn tỉnh có tổng 26 cơ sở sử dụng các thiết bị bức xạ với hơn 73 thiết bị. Trong đó có 24 cơ sở X – quang y tế (68 thiết bị), 2 cơ sở không phải cơ sở X – quang y tế là Cảng hàng không Điện Biên Phủ (3 máy soi hành lý), Công ty cổ phần xi măng Điện Biên (2 máy phát tia X).

Công tác phổ biến các quy định đảm bảo an toàn bức xạ của Luật Năng lượng nguyên tử được Sở KH&CN hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị bức xạ tuân thủ. Tỷ lệ 100% các thiết bị X – quang được cấp phép theo quy định; hầu hết các nhân viên X – quang đều có Giấy chứng nhận an toàn bức xạ. Đến nay hầu hết các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã thực hiện việc khai báo, xin cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và chứng chỉ nhân viên bức xạ với Sở KH&CN Điện Biên hoặc Cục An toàn Bức xạ - Hạt nhân.

Công tác cấp phép nhìn chung đáp ứng tốt các yêu cầu của nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân, không để chậm trễ về thời gian theo quy định, chất lượng xử lý hồ sơ được nâng lên, có những cải tiến trong xử lý hồ sơ cấp phép và tuân thủ đầy đủ quy định của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.



Hình 1-12: Công tác kiểm tra an toàn bức xạ phòng chụp X Quang tại các cơ sở, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Hằng năm, tỉnh tổ chức các lớp đào tạo về an toàn bức xạ giúp các cơ sở thực hiện đúng theo quy định của nhà nước, trang bị cho các học viên kiến thức cơ bản về nguyên tử và bức xạ ion hóa, các hiệu ứng sinh học của bức xạ, giới hạn liều với nhân viên bức xạ và dân chúng, phòng chống các nguy hiểm bức xạ

hoá... Việc tuyên truyền áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn Quốc tế vào thực tế bước đầu được coi trọng.

b. Công tác Đo lường

Thực hiện tốt công tác quản lý đo lường tại địa phương, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đảm bảo công bằng xã hội. Sở KH&CN tiến hành kiểm định các phương tiện đo của các tổ chức doanh nghiệp và cá nhân trong tỉnh; tham gia đoàn liên ngành với Cục thuế tỉnh tiến hành dán tem niêm phong đồng hồ công tơ tổng các cột xăng dầu lắp đặt mới và sau sửa chữa,...



Hình 1-14: Công tác kiểm định công tơ trên địa bàn tỉnh Điện Biên

c. Công tác Chất lượng

Sở KH&CN thực hiện vai trò hướng dẫn đăng ký quyền sử dụng mã số mã vạch và tiêu chuẩn cơ sở. Tại tỉnh Điện Biên, thời gian gần đây một số tổ chức sản xuất kinh doanh, nhất là các sản phẩm nông nghiệp đã bắt nhịp và quan tâm tới việc áp dụng truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm của đơn vị mình sản xuất ra. Nhìn chung số lượng sản phẩm của các cơ sở/doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, các đặc sản của tỉnh truy xuất được nguồn gốc dựa trên ứng dụng thông tin điện tử sử dụng mã QR và công nghệ mã số mã vạch còn hạn chế. Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn chưa có có hệ thống truy xuất nguồn gốc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, đảm bảo khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Mới đây ngày 15/12/2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4632/KH-UBND về thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của

Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Điện Biên.



Hình 1-15: Hình ảnh mã QR trên bao bì sản phẩm Gạo lứt Sến Cù và Tem truy xuất nguồn gốc cho cây đào tỉnh Điện Biên

d. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO

Sở KH&CN tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quyết định, văn bản chỉ đạo thực hiện việc áp dụng ISO hành chính công trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời đã triển khai và hỗ trợ cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện, cơ quan hành chính cấp xã triển khai, áp dụng quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Phối hợp với Viện năng suất chất lượng Việt Nam tổ chức hội nghị tập huấn “Đánh giá viên nội bộ HTQLCL theo TCVN 9001:2015” cho 33 cơ quan/ đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Việc áp xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Toàn tỉnh có 172 cơ quan, đơn vị công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 theo quy định tại Quyết định 19/2004/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ, đạt 100% mục tiêu đã đặt ra (Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh 19, UBND cấp huyện 10 UBND, Chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh 14,...). Ngoài ra tỉnh đang vận động, khuyến khích các đối tượng thuộc diện khuyến khích áp dụng là UBND cấp xã, phường (mới chỉ đạt 83%) tiến hành xây dựng áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động góp phần nâng cao điểm chỉ số CCHC của tỉnh.

Qua đó góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, các quy trình giải quyết công việc từ khâu tiếp nhận, chuyển hồ sơ, xử lý hồ sơ, trình ký đến trả kết quả được công khai minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và tổ chức trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.



*Hình 1-16: Viện năng suất chất lượng Việt Nam tổ chức Hội nghị tập huấn “Đánh giá viên nội bộ HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại tỉnh Điện Biên
e. Hệ thống hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)*

Thực hiện duy trì thường xuyên điểm hỏi đáp TBT và khai thác các tin cảnh báo về TBT đưa lên trang thông tin điện tử của Sở. Hằng tháng cập nhật tin vào trang thông tin điện tử của Sở KH&CN và cập nhật tin cảnh báo từ mạng lưới TBT Việt Nam.

2.4.5. Hoạt động dịch vụ kỹ thuật

Hoạt động dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ quản lý nhà nước đã thực hiện tốt các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo và thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức cá nhân.

Tỉnh đã thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, phương tiện đo với hơn 9.598 phương tiện đo (PTĐ) các loại, trong đó có 9.37 PTĐ đạt đủ điều kiện và 261 PTĐ chưa đạt điều kiện. Thí nghiệm thành thạo lĩnh vực hóa học về phân tích các chỉ tiêu chất lượng trong thức ăn chăn nuôi, kim loại trong nước. Ngoài ra, thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, các dịch vụ KH&CN khác theo quy định.

2.4.6. Công tác thanh tra

Công tác thanh tra chuyên ngành khoa học công nghệ được tiến hành thường xuyên, đảm bảo đúng thẩm quyền, tránh sự chồng chéo, đảm bảo theo kế hoạch, nội dung và yêu cầu.

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh thực hiện thanh tra, kiểm tra 48 cuộc đối với 224 cơ sở; xử phạt hành chính 15 cơ sở với tổng số tiền xử phạt là 42 triệu đồng. Đồng thời, qua công tác thanh tra cũng đề xuất, kiến nghị một số biện pháp xử lý đối với những tồn tại, hạn chế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với các cơ sở kinh xăng dầu, kinh doanh thiết bị điện, điện tử,...



Hình 1-17: Công tác thanh tra, kiểm tra ngành Khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kết quả thanh tra cho thấy các tổ chức đơn vị chấp hành tốt các quy định quản lý về KH&CN đối với hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ. Đối với các đơn vị chủ trì đề tài/dự án được thanh tra cơ bản chấp hành tốt các quy định pháp luật về KH&CN và Hợp đồng nghiên cứu KH&CN phát triển công nghệ đã ký với Sở KH&CN về nội dung khoa học, về tiến độ thực hiện, về sử dụng kinh phí SNKH được cấp cho việc thực hiện đề tài/dự án.

2.4.7. Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực KH&CN

Tỉnh Điện Biên đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch tạo điều kiện thuận lợi xây dựng Chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT). Việc triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước đạt được những kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý, cải tiến môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng hiện đại, tăng năng suất và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), nâng cao chỉ số hài lòng của người dân.

- Tham mưu cho UBND tỉnh công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 148 TTHC.

- 100% hồ sơ được giải quyết đúng hoặc trước hạn cho các cá nhân, tổ chức đảm bảo theo quy định hiện hành.

- 100% cơ quan nhà nước từ tỉnh đến cơ sở đã kết nối liên thông hệ thống quản lý văn bản điều hành. Nhiều thông tin, văn bản được cung cấp kịp thời trên cổng thông tin điện tử của tỉnh nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp.

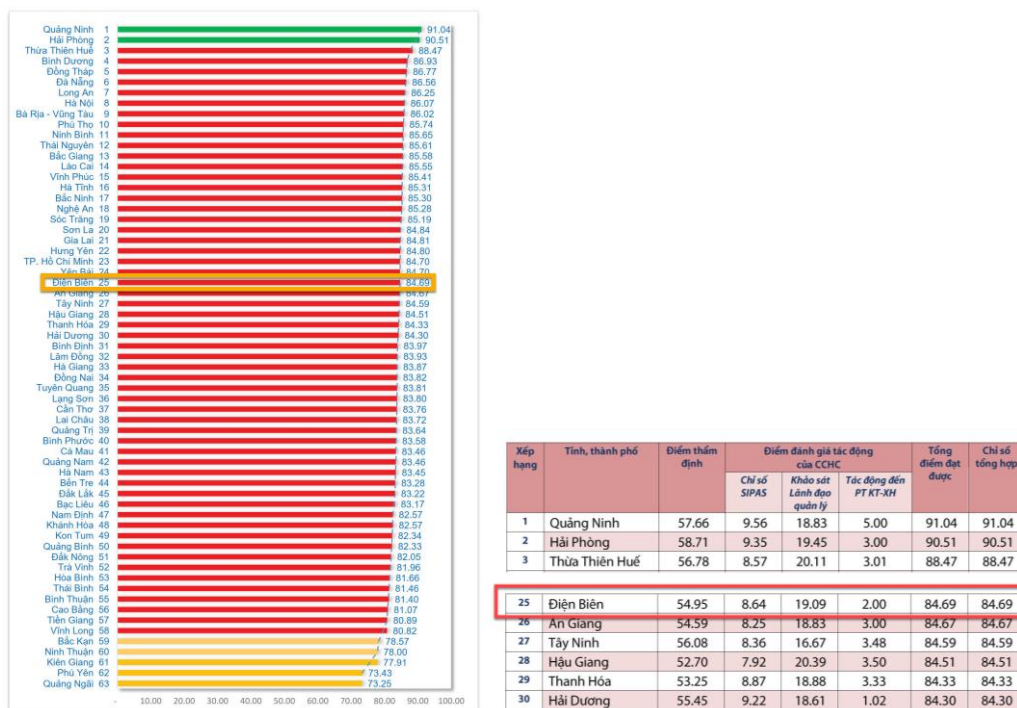
Sở KH&CN chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), ban hành. Tính năm 2020, Sở KH&CN đã đăng tải cập nhật 64 TTHC đang thử nghiệm DVC mức độ 3,4 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh tại địa chỉ “http://dichvucong.dienbien.gov.vn”; Trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ “http://skhcmdienbien.gov.vn” và Trang cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC tại địa chỉ “http://csdl.thutuchanhchinh.vn”. Đến nay trên trang dịch vụ hành chính công tỉnh đã đăng tải TTHC của Sở:

- Số thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông 64/64;
- Lĩnh vực Khoa học và công nghệ đăng tải 22 thủ tục hành chính;
- Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân đăng tải 01 thủ tục hành chính;
- Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ đăng tải 03 thủ tục hành chính;
- Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường và chất lượng đăng tải 08 thủ tục hành chính;

CỔNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TỈNH ĐIỆN BIÊN										
<div> <div>TRANG CHỦ</div> <div>LÀM THỐNG KÊ</div> <div>ĐÁNH GIÁ</div> <div>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</div> <div>DVC TRỰC TUYẾN</div> <div>KIOSK</div> <div>SƠ ĐỒ TRANG</div> <div>HƯỚNG DẪN</div> </div> <div> <div>Đăng nhập</div> <div>Đăng ký</div> </div>			<div>02153 827 668</div> <div>dichvucong@dienbienmail.gov.vn</div>							
<div> <div>Thông báo:</div> <div>t và sử dụng</div> <div>Thứ 6, ngày 25 tháng 03 năm 2022</div> </div>										
<div> <div>Mã thủ tục:</div> <div>Nhập mã thủ tục để tra cứu</div> <div>Từ khóa:</div> <div>Nhập tên thủ tục để tra cứu</div> <div>Cơ quan thực hiện:</div> <div>Sở Khoa học và Công nghệ</div> <div>Mức độ DVC:</div> <div>Tất cả</div> <div>Q Tìm kiếm</div> </div>										
STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC	Lĩnh vực	Cơ quan quản lý	Theo dõi				
1	2.002249.000.00.00.H18.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Mức độ 4	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Nộp hồ sơ				
2	2.002248.000.00.00.H18.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Mức độ 4	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Nộp hồ sơ				
3	2.001269.000.00.00.H18.01	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tăng giải thưởng chất lượng quốc gia	Mức độ 3	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Nộp hồ sơ				
4	1.003542.000.00.00.H18.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Mức độ 4	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Nộp hồ sơ				
5	2.002144.000.00.00.H18.01	Thủ tục Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, kinh tế, văn hóa, an ninh xã hội	Mức độ 3	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Nộp hồ sơ				

Hình 1-18: Sở KH&CN cải cách thủ tục hành chính, đăng tải trên Cổng dịch vụ công tỉnh Điện Biên

Những thành tựu trên đã góp phần nâng cao vị trí xếp hạng chỉ số Par Index của tỉnh Điện Biên qua từng năm. Đến năm 2020 tại Hội nghị trực tuyến công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2020 (Par Index 2020) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; tỉnh Điện Biên xếp vị trí thứ 25/63 tỉnh thành (năm 2018 là 28/63; năm 2019 là 27/63).



Hình 1-19: Bảng xếp hạng các chỉ số Par Index 2020 của các tỉnh

2.4.8. Hợp tác quốc tế về KH&CN

Mối liên kết giữa tỉnh với một số Trường Đại học, Viện Nghiên cứu trong nước để triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN ngày càng được mở rộng, đã có sự gắn bó chặt chẽ giữa hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ với sản xuất, đời sống và nhu cầu xã hội, góp phần tạo sự chuyển biến rõ nét về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

2.4.9. Phát triển các sản phẩm OCOP tỉnh Điện Biên

Ngày 30/11/2018, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030. Đây là chương trình

phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, gắn phát triển nông thôn với đô thị; trọng tâm chương trình là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế của tỉnh Điện Biên theo chuỗi giá trị, do các tổ chức kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân thực hiện.

Mục tiêu “Một xã một sản phẩm” tức là mỗi xã hoặc nhiều xã có tối thiểu một sản phẩm OCOP, không giới hạn số sản phẩm OCOP một xã. Các sản phẩm dịch vụ được phát triển dựa trên lợi thế so sánh cộng đồng, sử dụng nguyên liệu địa phương,... được đăng ký với OCOP cấp huyện để trở thành sản phẩm của Chương trình OCOP tỉnh.

Tính đến nay toàn tỉnh Điện Biên đã có 22 sản phẩm đạt tiêu chí sản phẩm OCOP bao gồm:

- Nhóm thực phẩm: gạo Điện Biên chất lượng cao của HTX nông nghiệp Thanh Yên, Thanh Hưng; Miếng dong Mường Phăng, Dứa Na Sang, Vú sữa Thanh Hưng, Khoai sọ Phì Nhừ, Thịt khô, Mật ong Sam Mứn, cá nước lạnh Tênh Phong và bánh khâu xén Mường Lay, cam Mường Nhé.

- Nhóm đồ uống: cà phê Abarica, chè shan tuyết Tủa Chùa, chè cây cao Pa Tần, rượu Mông Pê Tủa Chùa, rượu men (rượu đơn men).

- Nhóm thảo dược: Tảo xoắn, Đông trùng hạ thảo, bài thuốc Nam Sa Long.

- Nhóm vải may mặc: Thỏ cảm Na Sang.

- Nhóm lưu niệm – nội thất: Mây tre đan dân tộc Thái Nà Tấu.



Hình 1-20: Một số sản phẩm OCOP của tỉnh Điện Biên

Tỉnh lựa chọn 02 điểm để phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch đó là điểm du lịch văn hóa cộng đồng bản Trung tâm, xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé và điểm du lịch khu di tích Mường Luân, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông.

Tỉnh cũng củng cố và phát triển ít nhất 08 tổ chức kinh tế gắn với phát triển sản phẩm OCOP. Đào tạo 46 cán bộ quản lý nhà nước về thực hiện OCOP. 100% lãnh đạo doanh nghiệp, HTX, chủ hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia OCOP được đào tạo chuyên môn quản lý sản xuất, quản trị kinh doanh.



Hình 1-21: Sự kiện Trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP của tỉnh Điện Biên và các tỉnh miền núi phía Bắc năm 2020

Nhằm đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP, kích cầu tiêu dùng trong tỉnh. Tỉnh đã tổ chức Sự kiện trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP của tỉnh Điện Biên và các tỉnh miền núi phía Bắc năm 2020. Tại sự kiện có 25 gian hàng trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP của 12 tỉnh phía Bắc với trên 300 sản phẩm được công nhận từ 3 sao trở lên (tỉnh Điện Biên tham gia 26 sản phẩm OCOP bao gồm 02 sản phẩm hạng 4 sao và 24 sản phẩm hạng 3 sao).

Hoạt động sự kiện đã tạo hiệu ứng lan tỏa Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên; góp phần nâng cao nhận thức của người sản xuất và người tiêu dùng về Chương trình OCOP. Đồng thời, thông qua các hoạt động của sự kiện nhằm tăng cường giao lưu, kết nối giữa các tỉnh miền núi phía Bắc với tỉnh Điện Biên; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX, chủ hộ sản xuất kinh doanh tìm kiếm thông tin thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng tiêu thụ và hợp tác phát triển các sản phẩm OCOP.

2.5. Thực trạng phát triển mạng lưới hạ tầng KH&CN

2.5.1. Tổ chức hoạt động KH&CN

Tính đến nay số tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh là 02 tổ chức, các tổ chức được phân theo các thành phần công lập, ngoài công lập và theo các lĩnh vực hoạt động KH&CN gồm: Trung tâm thông tin và Ứng dụng tiến bộ KHCN;

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hai tổ chức KH&CN này được UBND tỉnh phê duyệt phương án tự chủ tại Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 03/07/2018 và Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 03/07/2018.

Ngoài ra, tính đến nay Sở KH&CN đã cấp giấy chứng nhận cho 13 tổ chức, đơn vị đăng ký hoạt động KH&CN trên địa bàn với các lĩnh vực: nông, lâm nghiệp, điều tra, nghiên cứu xã hội và xã hội học trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung số lượng tổ chức KH&CN của tỉnh còn tương đối khiêm tốn; chủ yếu là các Trung tâm của nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; lĩnh vực nghiên cứu hoạt động chủ yếu các lĩnh vực thiết yếu của tỉnh là Khoa học y dược và khoa học nông nghiệp.

2.5.2. Doanh nghiệp KH&CN

Điện Biên là tỉnh có nền KH&CN mới phát triển, vì vậy số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động KH&CN còn tương đối ít, hạn chế về số lượng và chất lượng.

2.5.3. Hạ tầng hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm

a. Hệ thống chuẩn đo lường

Hệ thống chuẩn đo lường bao gồm hệ thống chuẩn đo lường quốc gia và các chuẩn đo lường có độ chính xác thấp hơn. Hệ thống chuẩn đo lường là cơ sở kỹ thuật hạ tầng để phát triển các ngành khoa học, các ngành kinh tế, đảm bảo sự công bằng trong sản xuất kinh doanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, vật tư, năng lượng, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và tạo điều kiện hội nhập quốc tế.

Hiện nay về cơ bản hệ thống chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh đang tuân thủ theo hệ thống do Viện Đo lường Việt Nam nghiên cứu, đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ KH&CN phê duyệt 22 chuẩn đo lường quốc gia cho:

- 6 đại lượng cơ bản gồm: Độ dài, khối lượng, thời gian – tần số, nhiệt độ nhiệt động học, cường độ dòng điện và cường độ sáng).

- 16 đại lượng dẫn xuất gồm: Áp suất, độ cứng, dung tích, lưu tốc thể tích chất lỏng, công suất điện tần số công nghiệp, năng lượng điện tần số công nghiệp, lưu thể tích chất khí, điện trở một chiều, điện áp một chiều, lưu lượng

thể tích chất lỏng, lưu lượng khối lượng chất lỏng, lực, khối lượng riêng chất lỏng, độ nhớt động lực học, điện xoay chiều và suy giảm tần số cao).

Thực hiện Quyết định 28/2018/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Các phương tiện đo lường, chuẩn đo lường trên địa bàn chịu sự quản lý của nhà nước về đo lường. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu kinh doanh trên địa bàn sử dụng phương tiện đo và hàng đóng gói; các tổ chức kiểm định, thử nghiệm, hiệu chuẩn phương tiện đo thực hiện nghiêm ngặt các quy định về hoạt động đo lường. Qua thời gian quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn ghi nhận được kết quả tương đối rất tốt, đảm bảo tính chính xác, thống nhất về đo lường của phương tiện đo, kết quả đo và lường của hàng đóng gói sẵn; góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe người dân và bảo vệ môi trường.

b. Hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm

Điện Biên là tỉnh có nền KH&CN mới phát triển, cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, vì vậy tỉnh chưa có hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm. Hiện các phòng thí nghiệm nghiên cứu KH&CN của tỉnh chủ yếu tập trung ở 02 tổ chức KH&CN công lập: Trung tâm thông tin và Ứng dụng tiến bộ KHCN; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

2.5.4. Hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng CNC, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao (CNC) là xu hướng tất yếu của ngành nông tỉnh Điện Biên. Chính bởi thế, những năm qua, tỉnh Điện Biên đặc biệt quan tâm tới việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực, thế mạnh của tỉnh, như: Sản xuất, chế biến lúa gạo, chăn nuôi, trồng cây ăn quả... Nhiều chính sách hỗ trợ phát triển, sản xuất nông nghiệp CNC đã được ban hành, các chính sách chủ yếu lồng ghép hỗ trợ các hạng mục đầu tư,... Tuy nhiên tính đến nay, Điện biên chưa có khu nông nghiệp CNC, các dự án mới chỉ dừng ở mức mô hình áp dụng khoa học, CNC, hình thức nuôi trồng tương đối hạn chế, quy mô sản xuất nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng trên địa bàn.



Hình 1-22: Mô hình áp dụng KHCNC tiêu biểu: trồng cây mắc ca ở huyện Tuần Giáo [hình trái] và trồng cà chua trong nhà kính ở huyện Điện Biên [hình phải]

Hiện trên địa bàn tỉnh Điện Biên chưa hình thành các cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

2.5.5. Hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật KH&CN

Như đã đề cập ở trên, giai đoạn này tỉnh đã sử dụng một phần nguồn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH&CN và Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và phần còn lại đầu tư cho các dự án về trang thiết bị CNTT, trung tâm hành chính công để phục vụ các nhiệm vụ chung của tỉnh.

2.5.6. Hạ tầng cơ sở dữ liệu thông tin, thống kê KH&CN

Tập trung thực hiện tốt các hoạt động Thông tin về KH&CN nhằm nâng cao vai trò của ngành KH&CN, tuyên truyền rộng rãi về các thành tựu KH&CN đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và tôn vinh các nhà khoa học.

Thực hiện Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và công nghệ về Quy định xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Khoa học và công nghệ. Công tác thông tin tư liệu, thống kê KHCN tỉnh Điện Biên được đẩy mạnh trong thời gian này. Hàng năm công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật, chương trình KH&CN được triển khai đến các cấp chính quyền địa phương và người dân bằng nhiều hình thức: Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, báo hình, báo viết, báo mạng, qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin của Sở KH&CN.

* Về kết quả thực hiện hoạt động thông tin KH&CN, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN:

- Ấn phẩm tạp chí Thông tin KH&CN định kỳ xuất bản, phát hành hàng Quý. Đến nay đã xuất bản, phát hành 6.300 ấn phẩm trên địa bàn.

- Phát hành 43.200 bản tin Thông tin chọn lọc Kinh tế - Khoa học – Công nghệ;

- Phát hành 6.750 bản tin TBT trong đó tổng hợp, đăng tải các thông báo TBT của các nước thành viên WTO. Chọn lọc các thông báo TBT về các sản phẩm, hàng hóa, ghi nhãn hàng hóa,...của các thị trường Hoa Kỳ, EU,.....

Thông qua các ấn phẩm, bản tin đã phổ biến thông tin KH&CN, thông tin thống kê KH&CN của địa phương; cung cấp thông tin KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân và phát triển nông thôn.

* Về kết quả thực hiện hoạt động thống kê KH&CN:

- Sở KH&CN thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về Khoa học và công nghệ trên quy mô toàn tỉnh gửi về Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Cục thống kê tỉnh Điện Biên.

- Tổ chức thực hiện đăng ký và lưu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho 45 đề tài/dự án.

- Thu thập xử lý và cập nhật thông tin về 20 nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành.

- Phối hợp thực hiện 04 cuộc điều tra nghiên cứu, phát triển công nghệ, hội nhập quốc tế về KH&CN.

2.5.7. Thị trường KH&CN

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năng lực hấp thụ, tiếp thu, làm chủ và áp dụng công nghệ còn thấp; việc áp dụng công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ tại các doanh nghiệp hiệu quả chưa cao; hệ thống hạ tầng và mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, các hoạt động xúc tiến thị trường KH&CN chưa phát triển.

2.5.8. Sàn giao dịch công nghệ, hạ tầng thương mại điện tử

a. Hệ thống Sàn giao dịch công nghệ

Phát triển Sàn giao dịch công nghệ (SGDCN) là một xu hướng tất yếu để nâng cao năng lực phát triển KH&CN của một địa phương. SDGCN là một loại hình tổ chức dịch vụ khoa học công nghệ ở trình độ cao, đóng vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy thị trường công nghệ. Cụ thể: Thứ nhất, SDGCN đáp

ứng được mô hình thông tin trong hoạt động chuyển giao công nghệ, được xem như mô hình tiên tiến về nhận thức trong chuyển giao công nghệ, thay thế các mô hình đã có trước đó, với quan điểm chuyển giao công nghệ là quá trình tương tác 2 chiều, liên tục và đồng thời giữa các cá thể có liên quan. Chính vì thế, với một tỉnh có nền KH&CN còn khá non trẻ, hiện nay Điện Biên chưa có sản giao dịch công nghệ, doanh nghiệp, tổ chức KH&CN thiếu đi một kênh trung gian của Thị trường KH&CN trao đổi kết nối các bên cung – cầu công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trưng bày, trình diễn, triển lãm, xúc tiến giao dịch các sản phẩm, hàng hóa KH&CN,....

b. Hệ thống hạ tầng thương mại điện tử

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra đã trở thành động lực cho thương mại điện tử của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng càng ngày phát triển, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử (TMĐT) xuyên biên giới, thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong xã hội. Là một tỉnh miền núi biên giới với 2 nước Lào và Trung Quốc, đứng trước cơ hội tiềm năng lợi thế vị trí địa lý và nắm bắt xu hướng thời đại, tỉnh Điện Biên đã triển khai nhiều giải pháp hoạt động hỗ trợ, đẩy mạnh phát triển TMĐT (UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển TMĐT tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020 do Sở Công Thương thực hiện). Sở Công thương đã tổ chức 6 lớp tập huấn về TMĐT, hỗ trợ 20 doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng website TMĐT, hỗ trợ 10 doanh nghiệp thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền riêng của doanh nghiệp, xây dựng sổ tay TMĐT,...

Đã có nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, ứng dụng việc mua bán, trao đổi, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên môi trường mạng và thu được những kết quả nhất định. Các loại hình cung cấp sản phẩm, dịch vụ cũng sôi động và đa dạng; từ việc thiết lập các website riêng, tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử đến việc tạo lập các tài khoản trên mạng xã hội như Facebook, Zalo, Viber...



Hình 1-23: Tỉnh Điện Biên mở lớp đào tạo phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử trên địa bàn

Tỉnh Điện Biên chưa có sàn giao dịch thương mại điện tử, doanh nghiệp, người tiêu dùng thiếu đi một kênh mua bán trực tuyến an toàn, hiệu quả; cơ quan quản lý nhà nước thiếu công cụ để kiểm soát, đưa hoạt động mua bán hàng trực tuyến vào hệ thống cũng như thúc đẩy việc mua bán, trao đổi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phát triển.

Nhìn chung cơ sở hạ tầng TMĐT ở tỉnh ta còn hạn chế, trình độ sử dụng internet của người dân chưa thành thạo, chưa có nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu về ứng dụng chuyển giao và phát triển công nghệ. Chất lượng của hạ tầng viễn thông, đặc biệt là internet - công cụ hỗ trợ trực tiếp cho thương mại điện tử chưa cao.

Nguồn nhân lực TMĐT trong các doanh nghiệp còn hạn chế, đội ngũ cán bộ chuyên trách Thương mại điện tử còn thiếu, nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm trong việc ứng dụng Thương mại điện tử trong sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin chủ yếu là làm dịch vụ, cung cấp sản phẩm với quy mô nhỏ lẻ, chưa có chính sách đãi ngộ đối với nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước cũng như doanh nghiệp.

2.5.9. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Điện Biên

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Điện Biên thành lập vào lúc đội ngũ trí thức, khoa học cả nước thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước”. Kể từ khi thành

lập, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Điện Biên đã không ngừng củng cố và phát triển. Đặc biệt là thông qua việc tích cực đẩy mạnh các hoạt động của hội thành viên, vị thế tổ chức của đội ngũ trí thức KH&CN ngày càng được khẳng định và từng bước có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Liên hiệp Hội đã làm tốt công tác khoa giáo đội ngũ trí thức đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động, động viên đội ngũ trí thức khoa học nhằm tăng cường nhận thức về vai trò, trách nhiệm của lực lượng trí thức trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đến nay, Liên hiệp Hội đã có 08 hội thành viên với 160.000 hội viên và tỷ lệ các Hội thành viên có tỷ lệ trí thức khoa học trên 90%. Các hội viên tích triển khai các hoạt động chuyên môn, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nghiên cứu khoa học, tư vấn phản biện và giám định xã hội.

Liên hiệp Hội tham gia đóng góp ý kiến, tham mưu cho tỉnh ban hành các văn bản, quy phạm pháp luật, tham gia các hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử Quốc hội và HĐND tỉnh; Chủ động nghiên cứu và tham gia ý kiến tư vấn, phản biện trong hội đồng sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh; Tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hằng năm. Tham gia các buổi tập huấn, huy động trí thức trong tỉnh có khả năng hoạt động khoa học cùng đi tập huấn làm nòng cốt cho nghiên cứu KH&CN. Liên hiệp Hội là thành viên chủ chốt trong hội đồng “Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng của tỉnh Điện Biên” thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức, tạo sân chơi bổ ích, nơi hội tụ tài năng sáng tạo của lứa tuổi thanh thiếu niên nhi đồng, góp phần đưa những sáng tạo có giá trị về kinh tế và ý nghĩa xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

2.6. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tỉnh Điện Biên đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, tập trung đẩy mạnh rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển vùng, địa phương; chủ động đề xuất,

xây dựng kế hoạch và các nhiệm vụ trọng tâm để triển khai phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và xu hướng phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đến nay tỉnh Điện Biên đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

2.6.1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động toàn tỉnh về năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đẩy mạnh tuyên truyền về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 bằng nhiều hình thức như: phổ biến, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, các nhóm giải pháp được nêu tại Chỉ thị số 16/CT-TTg trên trang thông tin điện tử, báo đài phát thanh – truyền hình về cuộc cách mạng số; tổ chức các cuộc hội nghị tập huấn, hội thảo. Các Sở ban ngành đã cử nhiều lượt cán bộ công chức tham gia các khóa tập huấn về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 do Bộ, ngành tổ chức.

2.6.2. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông, công nghệ thông tin

Trên địa bàn tỉnh có 05 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông internet với hơn 447 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, 765 vị trí trạm thu phát sóng di động (BTS), 632 vị trí có phủ sóng 3G, 300 vị trí có phủ sóng 4G. Toàn tỉnh có 471 tuyến cáp quang với tổng chiều dài 3.654km, hạ tầng truyền dẫn cáp quang được kéo đến 100% trung tâm xã, phường có kết nối băng thông rộng đến trung tâm. Mạng internet tốc độ cao đã triển khai cung cấp dịch vụ truy cập tại tất cả các trung tâm thành phố, huyện, thị xã.

Các sở, ban, ngành của tỉnh đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ nâng cấp, xây dựng cổng (trang) thông tin điện tử. Hiện nay có 93% cơ quan nhà nước của tỉnh đã có cổng, trang thông tin điện tử; cung cấp các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 1-2; thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến ở mức độ 3-4; cổng thông tin điện tử của tỉnh (dienbien.gov.vn).

Triển khai kế hoạch nâng cấp hạ tầng thông tin các cơ quan quản lý nhà nước. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh được đầu tư xây dựng với 12 máy chủ, phục vụ hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh, hệ thống thư điện tử công vụ, phần mềm quản lý hồ sơ công việc, phần mềm chỉ đạo điều hành, trang công báo tỉnh, quy phạm pháp luật. Tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức cấp tỉnh đạt

100%, cấp xã đạt trên 50%; tỷ lệ các cơ quan cấp huyện và cấp tỉnh được kết nối mạng nội bộ đạt 100%; về kết nối internet đã phủ tới 100% số xã trong tỉnh.

Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong ứng dụng CNTT tại các cơ quan Nhà nước tỉnh đã được quan tâm, tỷ lệ cơ quan đầu tư trang bị phần mềm diệt virus cho máy tính và mạng máy tính ngày càng tăng.

Nhìn chung, tỉnh bước đầu đã chủ động chuẩn bị về hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông để tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; tuy nhiên còn nhiều hạn chế, nhất là về nguồn nhân lực.

2.6.3. Ứng dụng công nghệ thông tin

Nâng cấp, xây dựng cổng, trang thông tin điện tử cơ quan hành chính nhà nước. Hiện nay hệ thống một cửa điện tử liên thông cung cấp 1785 dịch vụ công mức độ 2; 243 dịch vụ công mức độ 3 và 88 dịch vụ công mức độ 4 theo quy định.

Chữ ký số cũng được áp dụng trong các dịch vụ của ngành tài chính như Hải quan, Thuế, Bảo hiểm, Kho bạc, GTVT,... Việc đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong hoạt động cơ quan nhà nước góp phần cải cách hành chính và hướng tới hành chính công điện tử.

Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh đã được nâng cấp kết nối 10 huyện, thị xã, thành phố và một số xã trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật cho 100% các cuộc họp trực tuyến của UBND tỉnh với Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và với UBND các huyện, thị xã, thành phố.

UBND tỉnh ban hành các Quyết định về ban hành khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; kế hoạch, nhiệm vụ giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử đến năm 2020, hướng đến năm 2025; thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền Điện tử, Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng,...

Ứng dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, sử dụng hiệu quả phần mềm văn phòng, phần mềm quản lý hồ sơ công việc, phần mềm quản lý hành chính kế toán,... Bảo đảm nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan.

2.6.4. Cải thiện môi trường kinh doanh

Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017, số 3/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ nhằm tăng cải thiện

môi trường cạnh tranh kinh doanh để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp thu và phát triển được các công nghệ sản xuất mới. Nhờ áp dụng cơ chế liên thông bằng hình thức kết nối điện tử giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, gộp 3 thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, đăng tải con dấu do 1 cơ quan thực hiện cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng điện tử trong thành lập doanh nghiệp giúp giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

Tỉnh hỗ trợ 15 doanh nghiệp đăng ký và sử dụng chữ ký số; xây dựng giải pháp xúc tiến thương mại điện tử trực tuyến trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ sản doanh nghiệp, HTX trên địa bàn trang bị phần mềm quản lý bán hàng.

2.6.5. Đào tạo bồi dưỡng nhân lực

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ đã được đặc biệt quan tâm. Các cơ quan, đơn vị đã tạo điều kiện để cán bộ, công chức nâng cao trình độ tin học ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu công việc.

Xây dựng các kho học liệu dùng chung cho toàn ngành gồm các bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

Triển khai giáo dục về KH&CN, kỹ thuật, ngoại ngữ, tin học trong chương trình giáo dục phổ thông, tăng cường giáo dục kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với những yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, giúp học sinh từng bước tiếp cận với cái cách mới, chiếm lĩnh, làm chủ tri thức.

Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho doanh nghiệp.

2.6.6. Các lĩnh vực khác

Thực hiện cung cấp dịch vụ công cấp độ 3 đổi giấy phép lái xe qua mạng, cấp giấy phép kinh doanh vận tải, biển hiệu, phù hiệu xe ô tô trực tuyến mức độ 4 tích hợp vào Trang thông tin điện tử Sở GTVT. Tạo điều kiện thuận lợi, giảm thiểu các thủ tục, giấy tờ và thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp; triển khai ứng dụng chính thức phần mềm dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực đường bộ tham gia cơ chế một cửa quốc gia.

Định hướng các sản phẩm chủ lực thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 thông qua các đề án, dự án phù hợp với thực tế của địa phương:

Sản phẩm phục vụ du lịch thông minh, Sản phẩm quy trình xử lý, bảo quản hiện vật trong bảo tàng sử dụng công nghệ bảo quản; Sản phẩm thư viện số,...

2.6.7. Các vướng mắc, khó khăn hạn chế thực hiện

Hoạt động sản xuất công nghiệp chủ yếu là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, việc triển khai, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong đó có ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 còn hạn chế.

Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp chưa phổ biến do vốn đầu tư cao, nông dân không đủ năng lực thực hiện, ít doanh nghiệp triển khai nông nghiệp CNC.

Hạ tầng thông tin đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật thông tin khách hàng chưa đáp ứng yêu cầu; hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh chưa đầu tư hạ tầng với hệ thống bảo mật có độ tin cậy cao; chưa có quy trình chuẩn về vận hành, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho hệ thống hạ tầng; chưa dung chuẩn an toàn thông tin.

Thiếu cán bộ chuyên trách về CNTT, đa số đều hình thức kiêm nhiệm nên trình độ chưa cao. Thiếu các chính sách ưu đãi cho cán bộ chuyên trách về CNTT nên chưa thu hút được đội ngũ cán bộ có trình độ cao.

2.7. Chương trình khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo

Trong những năm gần đây, thông qua việc thực hiện Đề án 844 “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2407/KH-UBND của UBND tỉnh về “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên đến năm 2020”. Mục tiêu của kế hoạch nhằm triển khai, cụ thể hóa các nội dung của Đề án 844 phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của tỉnh; tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Qua đó, góp phần tạo việc làm, tăng năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Sở KH&CN đã phối hợp với các sở, ngành địa phương, tổ chức chính trị nhằm gắn kết trí thức, doanh nhân Việt hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

2.7.1. Các hoạt động, phong trào Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a. Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên và Nhi đồng tỉnh Điện Biên

Nhằm khơi dậy tiềm năng và phát huy khả năng tư duy sáng tạo của thanh thiếu niên, nhi đồng trong tỉnh; đồng thời giúp các em trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng sáng tạo, xây dựng ước mơ các em trở thành nhà sáng chế trong tương lai. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng tỉnh Điện Biên hằng năm.



Hình 1-24: Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Điện Biên

Cuộc thi có sự tham gia của 75 nhóm tác giả là các Thanh, Thiếu niên và Nhi đồng có độ tuổi từ 6 đến 19 tuổi trên địa bàn toàn tỉnh. Các mô hình, sản phẩm dự thi thuộc 5 lĩnh vực, gồm: đồ dùng học tập; phần mềm tin học; sản phẩm thân thiện với môi trường; các dụng cụ sinh hoạt gia đình và đồ chơi trẻ em; giải pháp kỹ thuật nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế.

b. Hội nghị Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Nhằm triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 2407/KH-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Điện Biên. Sở KH&CN phối hợp với Công ty Tư vấn ĐMST FiNNO tổ chức Hội nghị tập huấn về “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên”. Hội nghị giúp sinh viên các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh được học hỏi, trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết về khởi nghiệp, phân biệt sự khác nhau giữa khởi nghiệp sáng tạo với khởi sự kinh doanh truyền thống,... Từ đó khơi dậy tiềm năng bản thân, ươm mầm và nuôi dưỡng các ý tưởng khởi nghiệp góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Hình 1-25: Hội nghị tập huấn về “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên”

2.7.2. Kết quả thực hiện Đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Năm 2019, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định 748/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2023. Trong đó có nội dung về hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Cụ thể, hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... nhằm mục tiêu đến năm 2023, số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ được hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị đạt 85 lượt doanh nghiệp.

Sau hơn 3 năm thực hiện Đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đến nay chưa có cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp đăng ký thực hiện. Trên địa bàn tỉnh chưa có bất kỳ doanh nghiệp, tổ chức nào đáp ứng được các điều kiện để khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, như: Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; tổ chức có ít nhất 1 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 1 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam...

Hiện nay, việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh mới chỉ manh nha, còn gặp nhiều khó khăn như: Thiếu thông tin về các nguồn đầu tư, các chương trình và tổ chức hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đặc biệt là

thông tin về các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tỉnh không có trường đại học, viện nghiên cứu; đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có kinh nghiệm còn thiếu. Ngoài ra, hoạt động tài trợ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mới chỉ dừng lại ở công tác truyền thông và đào tạo, nâng cao năng lực; còn các hoạt động khác như phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và cơ chế chính sách phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,... đến nay vẫn chưa thực hiện được.

Tỉnh Điện Biên chưa hình thành điểm tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chưa tạo lập được cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc tập trung hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo. Mặc dù Đề án có từ năm 2016, nhưng phải đến tháng 9/2019, các bộ, ban ngành Trung ương mới ban hành quy chế hướng dẫn về việc xây dựng khu làm việc chung, vì vậy đến nay tỉnh chưa thể triển khai thực hiện.

Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo có ghi nhận hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là một ngành nghề đầu tư kinh doanh và xác định địa vị pháp lý của các công ty đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, song những vấn đề này chưa được hệ thống pháp luật Việt Nam quy định. Đây là rào cản ngay từ đầu khiến việc thành lập quỹ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong điều kiện hiện nay chưa thực sự khả thi. Khung pháp lý chưa có hoặc thiếu đồng bộ đang khiến các doanh nghiệp khởi nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn. Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mang tính mới mẻ, đặc thù cao; tuy nhiên, việc phối hợp của một số cơ quan, đơn vị trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp chưa thực sự rõ nét.

2.8. Đánh giá những thành tựu đạt được và dự báo sự phát triển

KH&CN

2.8.1. Những thành tựu đạt được

Việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật chương trình về KH&CN đã được các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh quan tâm, nhiều Nghị quyết, chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh. Hệ thống các văn bản pháp lý về KH&CN ngày càng đồng bộ, chặt chẽ, có hiệu lực cao và phù hợp thực tiễn.

Hoạt động KH&CN đạt nhiều kết quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, y dược, khoa học xã hội và nhân văn, an ninh quốc phòng. Thông qua triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều mô hình sản xuất tiên tiến, kỹ thuật tiên bộ, kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN được chuyển giao, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống và tăng cường quốc phòng an ninh, bảo tồn các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh.

Việc quản lý nhà nước về ATBXHN trên địa bàn tỉnh đạt được các kết quả tích cực. Thay đổi đáng kể về mọi mặt, nhận thức về pháp luật ATBX, tuân thủ đầy đủ các quy định đảm bảo ATBX theo Luật Năng lượng nguyên tử.

Công tác hướng dẫn các cơ sở thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện thường xuyên. Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp ngày càng tăng.

Hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng được đẩy mạnh xuống các cấp, tháo gỡ các khó khăn về thủ tục hành chính, đưa nhiệm vụ quản lý nhà nước gắn với yêu cầu thực tiễn, đóng góp vào sự phát triển Kinh tế - xã hội của tỉnh. Chương trình ISO hành chính được đẩy mạnh ở tất cả các cấp.

Hoạt động Thông tin về KH&CN nâng cao vai trò của ngành KH&CN, tuyên truyền rộng rãi về các thành tựu KH&CN góp phần vào sự phát triển Kinh tế - xã hội và tôn vinh các nhà khoa học.

Hoạt động Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên; góp phần nâng cao nhận thức của người sản xuất và người tiêu dùng về Chương trình OCOP. Đồng thời, tăng cường giao lưu, kết nối giữa các tỉnh miền núi phía Bắc với tỉnh Điện Biên; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX, chủ hộ sản xuất kinh doanh tìm kiếm thông tin thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng tiêu thụ và hợp tác phát triển các sản phẩm OCOP.

Đẩy mạnh phong trào, hoạt động Khởi nghiệp – đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của tỉnh; tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Qua đó, góp phần tạo việc làm, tăng năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

2.8.2. Dự báo phát triển KH&CN đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050

Khoa học và công nghệ sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi nhiều mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 sẽ đặt ra cho địa phương nhiều cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn thách thức về chất lượng nguồn nhân lực, trình độ phát triển, hạ tầng khoa công nghệ. Bối cảnh đó đòi hỏi các cấp, ngành cần tập trung khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, nâng cao năng lực, trình độ khoa học công nghệ; tận dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, tập trung phát triển những lĩnh vực có thể mạnh và lợi thế cạnh tranh, tạo ra giá trị gia tăng cao.

Phát triển, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp là trung tâm, tạo cơ chế liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu với các doanh nghiệp trên cơ sở chia sẻ về trách nhiệm và lợi ích; Xây dựng môi trường hoạt động khoa học và công nghệ công khai, minh bạch, tạo động lực nền tảng cho phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

3. Đánh giá SWOT

3.1. Điểm mạnh

- Tập trung liên tục và liên tục vào việc thúc đẩy phát triển KH&CN cho các loại cây trồng, cây trồng, cây ăn quả và các ngành công nghiệp thực phẩm thông qua quỹ gen và các hoạt động khác.
- Nhận thức và thực hiện chính sách mạnh mẽ về sử dụng KH&CN cho môi trường bền vững và phát triển ngành.
- Tỉnh có tiềm năng phát triển nông lâm nghiệp, lịch sử, du lịch dịch vụ gắn liền với các sản phẩm đặc thù của tỉnh Điện Biên.
- Các sáng kiến tích cực & sự tham gia của các viện giáo dục từ dưới lên và các tổ chức đầu mối trong việc ươm tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và mạng lưới hỗ trợ và dịch.

3.2. Điểm yếu

- KH&CN chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển KT-XH. Nguồn lực KHCN của tỉnh còn yếu. Đầu tư cho KH&CN tại địa phương còn thấp (chưa đạt tối thiểu 1,5-2% tổng chi ngân sách theo Luật KH&CN). Ngân sách dành cho KH&CN chủ yếu từ ngân sách trung ương, công tác xã hội hóa cho các hoạt động KH&CN còn gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn nhân lực hoạt động tham gia hoạt động, nghiên cứu KH&CN còn thấp; trình độ nguồn nhân lực chưa cao, còn nhiều hạn chế. Tỉnh chưa thu hút được nguồn nhân lực có trình độ cao tham gia các lĩnh vực KH&CN của tỉnh.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ KH&CN còn dàn trải, manh mún, chưa có nhiều nhiệm vụ KH&CN có quy mô lớn tạo ra sản phẩm mang tính hàng hóa dẫn đến kết quả hoạt động nghiên cứu, triển khai KH&CN chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các ngành, các cấp chưa có sự phối hợp trong hoạt động KH&CN, lồng ghép các dự án với các chương trình kinh tế xã hội khác.

- Hạ tầng tổ chức KH&CN chưa hoàn thiện đáp ứng nhu cầu phát triển; chưa thực hiện cơ chế tự chủ. Trình độ công nghệ còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu; trang thiết bị trên toàn tỉnh còn hạn chế, thiếu thốn (đặc biệt đối với các xã, huyện). Chưa có các trại thực nghiệm KH&CN phục vụ thí nghiệm thị trường cho ươm tạo công nghệ dẫn đến hạn chế trong việc nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN.

- Thị trường KH&CN chậm phát triển, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong tỉnh chưa phát triển.

- Các doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa nên tiềm lực còn hạn chế; chưa tham gia nhiều trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, chưa mạnh dạn đổi mới công nghệ.

3.3. Cơ hội

- Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm ngày càng được công nhận là một yếu tố tạo nên sự khác biệt về giá trị cho cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài

- Các kênh thương mại điện tử mở ra thị trường mới nếu công nghệ phù hợp (kỹ thuật số và hậu cần)

- Các hiệp định thương mại mới gần đây với Liên minh Châu Âu tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng dựa vào xuất khẩu và sản xuất dựa trên chất lượng.

3.4. Thách thức

- Ngân sách tỉnh và kinh phí có sẵn; khó thực hiện nâng cấp tích cực đổi mới với thiết bị và phương tiện thử nghiệm và đo lường.

- Các rào cản cơ cấu hiện tại đối với việc tăng cường tiếp thu KH&CN do các doanh nghiệp quy mô nhỏ có rủi ro gây ra.

- Quy mô và tác động của các trung gian thị trường KH&CN, nền tảng và giá trị giao dịch vẫn còn phân tán và hạn chế trong việc thúc đẩy tăng trưởng phát triển cấp tỉnh.

- Tương đối thiếu cơ chế và khuyến khích để mời và tuyển dụng các doanh nghiệp tư nhân trong quan hệ đối tác và cộng tác chặt chẽ hơn cho KH&CN ((bao gồm cả vốn).

PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển

1.1. Quan điểm phát triển

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược, động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bút phá về năng suất chất lượng, tăng cường sức cạnh tranh của tỉnh.

Quy hoạch phát triển KH&CN của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án về khoa học và công nghệ của tỉnh Điện Biên.

Tăng cường tổ chức hoạt động Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hệ thống đổi mới: Phát huy vai trò của doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo; tạo lập cơ chế, chính sách Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp và hình thành hệ thống tổ chức Khoa học và công nghệ mạnh.

Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy nhân tố con người, đặc biệt trên lĩnh vực khoa học, công nghệ; ứng dụng khoa học, công nghệ và lãnh đạo, quản lý; lấy con người làm trung tâm, xem con người vừa là mục tiêu vừa là động lực, đồng thời cũng là nguồn lực cho ứng dụng, phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác định đầu tư cho Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đầu tư cho phát triển bền vững; đầu tư theo cơ chế phối hợp đối tác công – tư để phát triển tổ chức, cơ sở vật chất, nguồn vốn đầu tư.

Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp, nhất là người đứng

đầu cấp ủy, chính quyền các cấp. Tiếp tục đổi mới cơ chế, tăng cường vai trò quản lý của nhà nước về KH&CN.

Phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đi trước một bước, tiếp cận và bắt kịp xu thế phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thế giới trên các lĩnh vực: Nông nghiệp, du lịch, CNTT, giáo dục, y tế,..., tạo điều kiện phát triển nhanh, mạnh; đón đầu trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát triển thị trường Khoa học, công nghệ gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khai thác sáng chế, ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ.

Phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái và phát triển bền vững, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao khả năng tiếp thu, làm chủ thành tựu công nghệ tiên tiến, góp phần vào việc phát triển tiềm lực khoa học công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo tỉnh, vùng liên huyện trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học, cao đẳng là chủ thể nghiên cứu mạnh, Nhà nước thực hiện vai trò định hướng, điều phối, kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi cho hoạt động hiệu quả của toàn hệ thống.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động; công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Đầu tư nhân lực KH&CN là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng cao dân trí, phát triển kinh tế - xã hội; Tỉnh xây dựng các chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ KH&CN.

Chủ động, tích cực hợp tác KH&CN với các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong và ngoài nước, từng bước hội nhập Quốc tế về KH&CN.

Đầu tư mới, nâng cấp hạ tầng nghiên cứu và phát triển công nghệ của các tổ chức KH&CN phục vụ tổ chức, doanh nghiệp làm chủ và phát triển công nghệ, gắn với các chương trình đầu tư phát triển, chương trình và đề án khác của các Bộ, ngành Trung ương.

1.2. Mục tiêu phát triển

a. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu, làm chủ, phát triển công nghệ, ứng dụng hiệu quả công nghệ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường, sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ; hình thành, phát triển một số ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt và là quốc sách hàng đầu.

b. Mục tiêu cụ thể

- Thúc đẩy nhanh lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng: đi thẳng vào công nghệ hiện đại tiên tiến, nhất là công nghệ cao; tận dụng các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế của tỉnh gắn với thực hiện các đột phá chiến lược; chuyển giao, làm chủ những công nghệ mới nhằm tạo bước tăng trưởng mạnh mẽ về chất lượng và năng suất; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đặt mục tiêu Khoa học và công nghệ của tỉnh đạt trình độ khá trong khu vực Miền núi phía Bắc.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu ứng dụng. Chú trọng phát triển sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực gắn với chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường. Quan tâm đến các sản phẩm OCOP, phát triển nông nghiệp hữu cơ thân thiện với môi trường, theo chuỗi giá trị đáp ứng nhu cầu của thị trường và thị yếu người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ vào sản xuất phù hợp với những đặc thù và lợi thế riêng của tỉnh Điện Biên. Chú trọng phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực tỉnh gắn với chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Gắn KH&CN với sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tăng cường Sở hữu trí tuệ, phát triển sản phẩm gắn hệ thống quản lý chất lượng (mã số mã vạch), các sản phẩm OCOP trọng điểm. Xây dựng CSDL truy xuất nguồn gốc, kết nối CSDL Quốc gia. Sớm hoàn thiện Sàn TMĐT, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, logistics,...

- Đảm bảo tốc độ đổi mới công nghệ trung bình 20 - 30%/năm, riêng các lĩnh vực ưu tiên phải đạt 30 - 40%/năm.

- Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đến năm 2025 đóng góp khoảng 35-40% trong tăng trưởng kinh tế GRDP của tỉnh; đến năm 2030 đạt mức trên trung bình của cả nước và tiếp tục duy trì các năm tiếp theo.

- Đảm bảo tổng vốn toàn xã hội đầu tư cho khoa học và công nghệ từ 2-2,5% GRDP (theo Điều 49 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013) giai đoạn 2021-2030 và duy trì trên 2,5% trong các năm tiếp theo.

- Chú trọng đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ tiên tiến; phấn đấu tỷ lệ nhân lực KH&CN đạt 5-7 người/ 1 vạn dân. Hình thành các nhóm chuyên gia nghiên cứu các lĩnh vực Nông nghiệp, Công nghệ sinh học và môi trường, CNTT, Y dược,....

- Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng trong công nghiệp chế biến - chế tạo; nghiên cứu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội hợp nhất; ứng dụng công nghệ cao trong y dược; phát triển du lịch thông minh; ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; phát triển tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ, năng lực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Xây dựng và phát triển có trọng điểm các ngành công nghệ cao: công nghệ thông tin, công nghệ tự động hoá và cơ điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.

- Phấn đấu phát triển mới tối thiểu 03 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hợp tác xã và hỗ trợ tối thiểu 2-3 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025; Phát triển 5-10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hỗ trợ phát triển tối thiểu 5 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Hỗ trợ phát triển

cơ sở vật chất, cung cấp không gian số, sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ,... nhân rộng các mô hình hiệu quả trong và ngoài nước.

- Phân đầu đến năm 2030, đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho khoảng 25 chuyên gia năng suất chất lượng, trong đó có khoảng 2 chuyên gia được chứng nhận đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Phân đầu 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh xây dựng và áp dụng phần mềm hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2015 trên môi trường mạng (ISO điện tử).

- Tăng cường năng lực, cơ sở vật chất hình thành mạng lưới tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KHCN, hạ tầng KH&CN. Hình thành các cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

- Tăng cường Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, phát triển mô hình Trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tỉnh ưu tiên phát triển Nông nghiệp CNC, Công nghiệp CNC, TMĐT, Du lịch – Dịch vụ,...

- Tăng cường cơ chế tự chủ các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN. Đến năm 2030, 100% các tổ chức KH&CN công lập chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Từng bước hình thành và phát triển Mạng lưới tổ chức Khoa học và công nghệ; Thị trường Khoa học và công nghệ. Để Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự làm nền tảng và động lực cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh.

2. Định hướng phát triển ngành KH&CN

2.1. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, gắn bó chặt chẽ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN với sản xuất, đời sống, nhu cầu xã hội; góp phần quan trọng vào việc tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, du lịch và dịch vụ, phát huy vai trò của KHCN và đổi mới sáng tạo như là trụ cột quan trọng trong phát triển KT-XH nhanh và bền vững để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh đến 2025 được đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV.

2.1.1. Trong lĩnh vực khoa học Nông nghiệp

- Tận dụng triệt để các kết quả nghiên cứu giai đoạn trước; tiếp tục thực hiện nghiên cứu hoàn thiện các nhiệm vụ đang thực hiện của giai đoạn trước.

- Xây dựng vùng sản xuất hàng hoá tập trung giá trị gia tăng cao, ứng dụng đồng bộ các tiến bộ KH&CN, sản xuất nông nghiệp theo định hướng thị trường, gắn với tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm và chuỗi giá trị sản xuất nhằm tạo ra các sản phẩm có tính đặc trưng, có giá trị khác biệt, mang lại giá trị thương mại cao gắn với xây dựng và phát triển giá trị tài sản trí tuệ cho các sản phẩm.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, nông nghiệp thông minh, ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ; ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý môi trường, xử lý nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững.

- Nghiên cứu, lựa chọn, ứng dụng và nhân rộng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với các vùng sinh thái, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu dùng trong nước, xuất khẩu.

- Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục tráng, bảo tồn, phát triển các nguồn gen bản địa, tạo giá trị khác biệt phục vụ cho phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc sản của tỉnh...; xây dựng và phát triển các mô hình khai thác và nâng cao năng suất, chất lượng cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của các địa phương.

- Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học về các biện pháp canh tác, tưới tiêu, thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, các sản phẩm thức ăn, phân bón và thuốc trừ sâu sinh học nâng cao giá trị sản xuất trên mỗi đơn vị canh tác, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường trong sản xuất góp phần xây dựng nông thôn mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2.1.2. Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật

- Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học vào xây dựng và quản lý đô thị xanh, thông minh, hiện đại; đặc biệt là các mô hình giải pháp quản lý cho vấn đề đô thị hoá ở khu vực nông thôn hiện nay...

- Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cao, các giải pháp công nghệ tiên tiến, ứng dụng công nghệ mới, tạo sản phẩm mới nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, thương mại hóa sản phẩm công nghệ; Ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại để phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thu hoạch, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch của bà con dân tộc phục vụ thị trường trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu phát triển vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo; tự động hoá vào sản xuất và đời sống; công nghệ vật liệu mới, vật liệu chế sẵn, thân thiện với môi trường; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

- Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, áp dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong các công trình xây dựng và thúc đẩy phát triển công trình xanh.

- Nghiên cứu xây dựng cơ quan điện tử, các mô hình và giải pháp chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số.

2.1.3. Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Xây dựng, khai thác và phát triển du lịch lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch thông minh, xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu gắn với các sản phẩm OCOP chủ lực của tỉnh.

- Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo hướng hình thành dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ theo hướng số hoá góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy và phương pháp học để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, triển khai chương trình giáo dục phổ thông đến các vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các vấn đề về xã hội, quản lý xã hội, con người, văn hóa và nguồn nhân lực; đặc biệt là vấn đề nghiên cứu, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử con người Điện Biên anh hùng; giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống tinh

thần và cải thiện chất lượng, môi trường sống của nhân dân, nhất là ở khu vực thôn, bản nông thôn miền núi.

- Nghiên cứu bảo tồn, phát huy và khai thác hợp lý các di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng, làng nghề, lễ hội; phát triển và hoàn thiện đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh; áp dụng các công nghệ tiên tiến để sưu tầm, xuất bản và lưu giữ các di sản văn hoá lịch sử tiêu biểu.

- Xác lập, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học; hỗ trợ tạo lập, khai thác, quản lý và phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù, có tiềm năng phát triển của địa phương; hỗ trợ các doanh nghiệp trong áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến...

- Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả lãnh đạo, hoạt động của tổ chức Đảng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị-xã hội.

2.1.4. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên

Diện Biên tập trung vào giải quyết việc nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; phòng, chống, hạn chế tác sạt lở đất; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học đảm bảo phát triển bền vững.

2.1.5. Trong lĩnh vực khoa học y dược

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; ứng dụng y sinh học phân tử trong chẩn đoán và điều trị.

- Nghiên cứu sản xuất nguyên liệu hoá dược phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, tăng dần tỷ lệ nguyên liệu hoá dược trong nước, phát huy ưu thế, tiềm năng về dược liệu và thuốc y học cổ truyền; quy hoạch một số vùng chuyên canh để sản xuất dược liệu, phát triển các sản phẩm có giá trị từ nguồn dược liệu của địa phương phục vụ cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý, dự phòng, chẩn đoán, điều trị các loại bệnh truyền nhiễm, bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi, bệnh tái nổi, các bệnh mới phát sinh, bệnh do yếu tố môi trường.

- Nghiên cứu, sưu tầm, thử nghiệm và áp dụng rộng các bài thuốc cổ truyền chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; nghiên cứu và phát triển các phương pháp kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; ứng dụng và phát triển các phương pháp điều trị không dùng thuốc: vật lý trị liệu, tâm lý trị liệu, thể dục trị liệu..., phát triển y học cổ truyền dựa trên bằng chứng y học hiện đại.

2.2. Định hướng nghiên cứu phát triển lĩnh vực công nghệ ưu tiên tỉnh

2.2.1. Công nghệ sinh học

Phát triển Điện Biên trở thành tỉnh có trình độ công nghệ sinh học hiện đại trong lĩnh vực công nghiệp chế biến trong nước và các nước tiên tiến trong khu vực; nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ sinh học, tạo điều kiện thuận lợi phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học và sản xuất sản phẩm mới, an toàn, cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.



Hình 1-26: Ưu tiên phát triển Công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Điện Biên”

Nguồn: Sưu tầm Internet

- Mục tiêu đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050: Điện Biên đưa công nghệ sinh học trở thành công nghệ quan trọng trong phát triển nông lâm thủy sản. Hình thành được mạng lưới các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ trong lĩnh vực này hoạt động có hiệu quả. Xây dựng mối liên kết

bền vững với các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh nhằm phát triển công nghệ sinh học tỉnh tiên tiến, bền vững.

Một số nhiệm vụ chủ yếu cần thực hiện:

- Một là, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học phải gắn kết chặt chẽ nhu cầu sản xuất và cuộc sống người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khoa học công nghệ nói chung, công nghệ sinh học nói riêng phải thực sự trở thành động lực trong phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

- Hai là, ưu tiên nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp; là lĩnh vực địa phương có thế mạnh và nhiều dư địa để phát triển; trọng tâm là ứng dụng công nghệ tế bào, công nghệ vi nhân giống trong sản xuất giống cây lâm nghiệp, phục tráng các giống cây công nghiệp ngắn ngày, cây có lợi thế thị trường tiêu thụ (lúa, xu hào, bắp cải, cà rốt, cà chua, cây ổi, cây vải...) ; ứng dụng công nghệ sinh học trong cải tạo đất, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý của địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, canh tác tự nhiên, xử lý chất thải trong chăn nuôi.

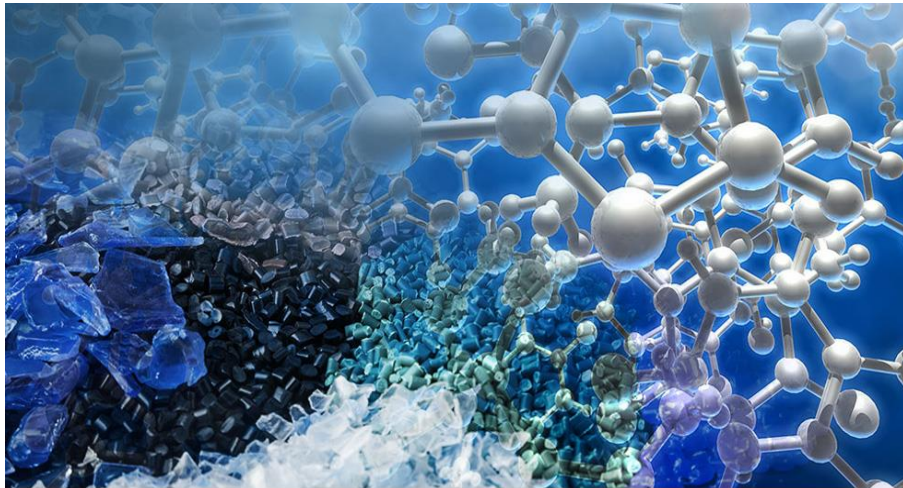
- Ba là, hỗ trợ, tạo điều kiện hình thành các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập các trung tâm, viện nghiên cứu công nghệ sinh học.

- Bốn là, tăng cường hợp tác với các địa phương trong nước để tiếp nhận, chuyển giao các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học có hiệu quả phù hợp điều kiện địa phương. Mở rộng quan hệ với các trường đại học, trung tâm nghiên cứu ngoài nước và các nước có nền công nghệ sinh học phát triển, ứng dụng thành công trong sản xuất.

2.2.2. Công nghệ vật liệu mới

- Tiếp nhận và phát triển công nghệ: chế tạo hợp kim, vật liệu polyme và composit; công nghệ chế tạo vật liệu điện tử và quang điện tử; công nghệ chế tạo vật liệu nano, vật liệu y - sinh sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường,...

- Nghiên cứu và phát triển công nghệ chế tạo vật liệu tiên tiến từ các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, đặc biệt là nguyên liệu sinh học, đất hiếm, khoáng sản quý hiếm khác.



Vật liệu mới và Vật liệu kỹ thuật cao có thể coi là chìa khóa cho những tiến bộ công nghệ

Hình 27: Công nghệ vật liệu mới – Chìa khóa cho phát triển tiến bộ công nghệ.

Hình 1-28: Xu hướng công nghệ vật liệu mới - Chìa khóa cho phát triển tiến bộ công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên”

Nguồn: Sưu tầm Internet

2.2.3. Ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình ứng dụng các công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong sản xuất nông nghiệp: Ứng dụng các thiết bị cảm biến, thông minh được kết nối và điều khiển tự động trong suốt quá trình sản xuất nông nghiệp giúp ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện vi khí hậu trong nhà kính; Ứng dụng các thiết bị cấp điện mặt trời và các bộ pin điện mặt trời nhằm sử dụng hiệu quả không gian, giảm chi phí năng lượng trong trang trại/doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; Ứng dụng quy trình quản lý phục vụ kết nối các hoạt động từ trang trại với bên ngoài (quản lý sản phẩm theo chuỗi giá trị; truy xuất nguồn gốc.....



Hình 1-29: Ưu tiên tiến bộ KHKT thúc đẩy ngành Nông nghiệp CNC

Nguồn: Sưu tầm Internet

- Hỗ trợ nghiên cứu công nghệ, quy trình công nghệ trong lĩnh vực sản xuất vật tư, trang thiết bị nông nghiệp công nghệ cao; công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông thủy sản có giá trị cao, đáp ứng tiêu chuẩn sạch, an toàn, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.

2.2.4. Ứng dụng công nghệ cao trong Y, dược

- Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh; làm chủ các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người;
- Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh;



Hình 1-30: Ứng dụng CNC – cải thiện hiệu quả công tác khám chữa bệnh

Nguồn: Sưu tầm Internet

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán và theo dõi bệnh;

- Ưu tiên phát triển nhiều kỹ thuật chẩn đoán và điều trị chuyên sâu mang tính mũi nhọn; triển khai phẫu thuật ít xâm lấn, vi phẫu thuật và phát triển các kỹ thuật hiện đại;

- Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử, bảo đảm chẩn đoán và điều trị kỹ thuật chuyên sâu đạt tiêu chuẩn ISO,...;

- Nghiên cứu sản xuất một số loại thuốc phòng chống, điều trị bệnh nguy hiểm, phổ biến, các loại dược liệu y học cổ truyền, nguyên liệu làm thuốc kháng sinh, vitamin và thực phẩm chức năng.

2.3. Hoạt động quản lý công nghệ, quản lý chuyên ngành

2.3.1. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Hình thành các vườn ươm doanh nghiệp và không gian làm việc chung nhằm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên. Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất, cung cấp không gian số, sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ... nhân rộng các mô hình hiệu quả.

2.3.2. Phát triển thị trường KHCN, đổi mới công nghệ

Nghiên cứu tiếp cận công nghệ và đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp phục vụ phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh, tạo ra các sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trong nước và xuất khẩu; Thúc đẩy việc hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm hàng hóa là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.3.3. Phát triển tài sản trí tuệ

Nghiên cứu đề xuất, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ quốc gia. Phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở

hữu trí tuệ, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Quyết định số 1068/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

2.3.4. Phát triển và ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0

Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của tỉnh. Xây dựng hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến so với các tỉnh, thành trong khu vực. Cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số. Cơ bản hình thành Chính quyền số. Hoàn thành cơ bản việc triển khai các hạng mục, dự án thành phần của đô thị thông minh, chính quyền điện tử các cấp.

2.4. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế (theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ): Tỉnh Điện Biên triển khai, phát triển được ít nhất 15 chuẩn đo lường, phương tiện đo các loại đáp ứng nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho doanh nghiệp; Thực hiện nâng cao năng lực, hoạt động của ít nhất 02 tổ chức hoạt động dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (được chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025; TCVN ISO 9001:2015; ...); Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho 200 công chức của các sở, ban, ngành, UBND thành phố, huyện và UBND xã, phường,...

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ): Đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho 25 chuyên gia năng suất chất lượng tại các cơ quan, địa phương và doanh nghiệp, trong đó có khoảng 2 chuyên gia được chứng nhận đạt trình độ khu vực và quốc tế; Số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng hàng năm tăng từ 1 - 1,5%, trong đó, số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cấp cho doanh nghiệp tăng ít nhất 2% so với giai đoạn 2011 - 2020; có ít nhất 1

doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ, nhân rộng trên toàn tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ):

- Giai đoạn 2020-2025: Xây dựng danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc của tỉnh trên nghiên cứu nhu cầu của thị trường xuất khẩu và yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm của tỉnh đảm bảo kết nối với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia;...

- Giai đoạn 2026 - 2030: Hoàn thiện, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh; 100% các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sử dụng mã số - mã vạch tại tỉnh có hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm hàng hóa chủ lực, hàng hóa tham gia chương trình OCOP của tỉnh.

2.5. Hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật đối với các dự án và nhân rộng các kết quả của đề tài, dự án triển khai có hiệu quả; lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương đối với các sản phẩm mới.

Thực hiện các hoạt động giám định, chứng nhận trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận; tư vấn các hoạt động kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

3. Định hướng phát triển hạ tầng KH&CN và đổi mới sáng tạo

3.1. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ phát triển KH&CN

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, gắn bó chặt chẽ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN với sản xuất, đời sống. Giai đoạn tới tỉnh cần tiếp tục đầu tư nâng cấp các thiết chế KH&CN đã và đang hoạt động có hiệu quả của tỉnh. Ưu tiên huy động các nguồn lực để phát triển nhanh tiềm lực KH&CN thông qua triển khai các đề án, dự án thành lập, xây dựng và phát triển các cơ sở KH&CN trên địa bàn.

Điện Biên tiếp tục đẩy nhanh thực hiện 02 dự án trọng điểm cần đầu tư gồm: “Xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm và khu thực nghiệm KH&CN thuộc Trung tâm thông tin và Ứng dụng tiên bộ KH&CN” và dự án “Đầu tư thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng giai đoạn 2”.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực hoạt động KH&CN

Điện Biên thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực KH&CN gắn chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương giai đoạn 2021-2030 theo chiến lược phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Đẩy mạnh triển khai chính sách sử dụng, trọng dụng và tôn vinh cán bộ khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ của lực lượng cán bộ quản lý KH&CN ở địa phương.

Chuẩn hóa cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan chuyên môn quản lý KH&CN ở địa phương.

Chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học. Đào tạo, chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho khoảng 25 chuyên gia năng suất chất lượng, trong đó có khoảng 2 chuyên gia được chứng nhận đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Xây dựng chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ KH&CN đầu ngành, cán bộ KH&CN được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học quan trọng của tỉnh, cán bộ KH&CN trẻ tài năng.

Có cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, đất đai, cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính, để tạo đột phá trong thu hút các chuyên gia, nhà khoa học đến công tác tại tỉnh.

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ cán bộ KH&CN đi làm việc, thực tập có thời hạn tại các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ KH&CN có ý nghĩa của tỉnh.

Bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của các tác giả các công trình nghiên cứu KH&CN. Có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố Quốc tế, giải thưởng khoa học quốc gia, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN. Có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ KH&CN có trình độ cao đã hết

tuổi lao động có tâm huyết và có sức khỏe làm việc vào công tác nghiên cứu khoa học.

3.3. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức KH&CN

Sở Khoa học và công nghệ tham mưu cho tỉnh tiếp tục rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu lại tổ chức, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, tinh chỉnh số lượng của mạng lưới tổ chức KH&CN. Đẩy mạnh chuyển đổi tổ chức KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Cơ cấu lại hệ thống tổ chức KH&CN lấy doanh nghiệp làm trung tâm để nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và đào tạo nhân lực KH&CN.

Thời kỳ tới, tỉnh tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển 02 đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập hiện có theo hướng đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh gọn có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực hiệu quả,...

Phân đầu hoàn thiện phát triển mạng lưới các tổ chức KH&CN công lập, khu nghiên cứu nông, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao phù hợp với các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN ưu tiên trọng điểm mà tỉnh có thể mạnh theo từng giai đoạn; các trạm, trại thực nghiệm để hoàn thiện các quy trình công nghệ nhằm chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển KT-XH. Trong đó chú trọng dịch vụ chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

UBND tỉnh nghiên cứu, đưa ra các giải pháp tạo điều kiện để các tổ chức KH&CN được vay vốn từ Quỹ phát triển KH&CN hoặc các tổ chức tín dụng.

Thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ tập trung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và là nơi hoạt động chung khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh

Hình thành hệ thống các vườn ươm doanh nghiệp và không gian làm việc chung hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

3.4. Phát triển hạ tầng kỹ thuật KH&CN

Để nâng cao năng lực nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Điện Biên cần đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho đơn vị quản lý và tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh,

chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, để các tổ chức KH&CN trở thành nòng cốt trong chuyển giao, ứng dụng các thành tựu KHCN đến cơ sở; chú trọng triển khai các dự án tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thử nghiệm, kiểm định phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng.

Phát triển hạ tầng thông tin và thống kê KH&CN trong tình từng bước hiện đại.

3.5. Tăng cường hợp tác về KH&CN

Hoàn thiện các chương trình, kế hoạch hợp tác KH&CN với các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong và ngoài nước, từng bước hội nhập Quốc tế về KH&CN.

Tăng cường quốc tế về khoa học và công nghệ phải được thực hiện tích cực, chủ động, sáng tạo, bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi.

Thu hút các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, hình thành các nhóm nghiên cứu, trong đó chú trọng đến các nhóm nghiên cứu khoa học trẻ.

PHẦN III: CÁC GIẢI PHÁP, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

1. Giải pháp thực hiện

1.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của KH&CN đối với phát triển KT-XH

- Tiếp tục xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm nông sản có thể mạnh trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện về nhãn mác cho một số sản phẩm nông sản đặc trưng đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tỉnh như cam, quýt, miến dong, gạo bao thai để đưa vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, xác lập quan điểm đúng đắn về vai trò nền tảng và động lực của KH&CN đối với phát triển kinh tế-xã hội trong toàn hệ thống chính trị.

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN với các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của từng ngành, từng cấp; xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển KH&CN là một nội dung bắt buộc của quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của ngành và địa phương.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về vị trí, vai trò của KH&CN nhằm đưa việc ứng dụng các thành tựu KH&CN trở thành nhu cầu tự thân và phổ biến trong sản xuất và đời sống xã hội, trên tất cả các lĩnh vực.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền về các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ đối với doanh nghiệp; cơ hội, thách thức, quy định yêu cầu trong quá trình hội nhập Quốc tế (WTO, TPP, AFTA,...)

1.2. Tiếp tục đổi mới hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động KH&CN

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý KH&CN tại địa phương theo Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN.

- Đổi mới cơ chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN. Việc xác định, xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải bám sát và xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn. Áp dụng các quy định mới về cơ chế đặt hàng, tăng cường đặt hàng của các ngành, địa phương, doanh nghiệp để phục vụ chiến lược phát

triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Thực hiện việc đề xuất, xác định, xét chọn, tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thường xuyên, liên tục trong năm.

- Tập trung đổi mới cơ chế quản lý tài chính, triển khai cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng nhiệm vụ KH&CN và thực hiện cấp phát kinh phí nhiệm vụ KH&CN theo cơ chế Quỹ.

- Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập; giao dự toán lương và hoạt động bộ máy của các tổ chức KH&CN công lập trong các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

- Xác định cụ thể theo biện pháp chế tài, vai trò trách nhiệm của các ngành chủ quan, tổ chức đặt hàng, trách nhiệm và quyền lợi của các cơ quan chủ trì, chủ nhiệm trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống sau khi nghiệm thu.

- Tăng cường đề xuất đặt hàng của tỉnh để tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia và các nhiệm vụ KH&CN hợp tác trên địa bàn tỉnh; tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm Quốc gia để thu hút các cơ quan Trung ương về đầu tư, phát triển hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

1.3. Tăng cường đầu tư kinh phí cho KH&CN

- Đầu tư ngân sách tỉnh cho KH&CN (vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp) tăng dần hằng năm.

- Thực hiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính, đầu tư phát triển KH&CN.

- Tranh thủ tối đa nguồn ngân sách trung ương thông qua việc tham gia các chương trình KH&CN Quốc gia, hoạt động hợp tác Quốc tế,...

- Tập trung nguồn nhân lực, huy động các doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN tham gia các chương trình, đề án Quốc gia về KH&CN.

- Ban hành cơ chế để lồng ghép các nguồn kinh phí (kinh phí khuyến nông, khuyến công, chương trình biến đổi khí hậu, chương trình nông thôn mới,...) để triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu bức thiết phát sinh ở địa phương.

- Khuyến khích xã hội hóa, đa dạng các nguồn đầu tư cho phát triển KH&CN. Phát huy vai của doanh nghiệp, trọng tâm là doanh nghiệp KH&CN nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong việc đẩy mạnh hoạt

động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

1.4. Đẩy mạnh công tác thông tin, thống kê KH&CN

- Tập trung đầu tư, xây dựng và phát triển Trung tâm Thông tin và thống kê KH&CN là đầu mối thông tin, truyền thông KH&CN của tỉnh.

- Cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của các kênh KH&CN như: Cổng thông tin điện tử khoa học và công nghệ tỉnh, Cổng thông tin hội Liên hiệp Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Viện đào tạo và khoa học ứng dụng miền Trung, Tạp chí Khoa học và công nghệ trên Báo Điện Biên, Đài phát thanh- truyền hình Điện Biên,....

- Khuyến khích xã hội hóa các hoạt động dịch vụ về thông tin, thống kê KH&CN. Đẩy mạnh hoạt động thông tin khoa học và công nghệ công ích phục vụ doanh nghiệp, xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các diễn đàn công nghệ, thiết bị trong nước và Quốc tế. Xây dựng Techmart ảo cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị trong nước và Quốc tế phục vụ doanh nghiệp tỉnh.

- Thực hiện thống kê và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN thường xuyên, theo quy định. Tổ chức xuất bản Kỷ yếu khoa học và công nghệ theo định kỳ 5 năm.

1.5. Tăng cường hợp tác KH&CN

- Xây dựng Đề án hợp tác về khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Duy trì, phát triển các chương trình hợp tác hiện có giữa tỉnh với các Viện và các Trường đại học.

- Thiết lập quan hệ và xây dựng các trường hợp hợp tác trong và ngoài nước nhằm thu hút nguồn lực và chuyên môn trong các lĩnh vực đào tạo, quản lý, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới công nghệ; hướng vào giải quyết các mục tiêu ưu tiên của tỉnh như: ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển và ứng dụng công nghệ sạch; năng lượng tái tạo và nhiên liệu sinh học,...

2. Giải pháp phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo

2.1. Đổi mới quản lý nhiệm vụ, chính sách KH&CN

a. Hoàn thiện khung pháp lý

- Rà soát bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN theo hướng đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích phát triển KH&CN.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc hoạch định cơ chế, chính sách và định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

b. Bổ sung hoàn thiện và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế chính sách mới về hoạt động KH&CN

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN.

- Điều chỉnh bổ sung và thực thi có hiệu quả cơ chế: Đánh giá độc lập, hội đồng tư vấn, phản biện, giám định xã hội, thuê chuyên gia thuộc các lĩnh vực ưu tiên đối với các hoạt động KH&CN, nâng cao chất lượng tư vấn của các hội đồng tư vấn KH&CN.

- Đổi mới công tác quản lý tài chính, tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ cao cho thủ trưởng tổ chức KH&CN.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Thúc đẩy mối liên kết ba bên giữa nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ - doanh nghiệp - nhà nước, quan tâm hỗ trợ hoạt động sáng kiến của người dân.

2.2. Tiếp tục đổi mới phương thức đầu tư và cơ chế tài chính

a. Về phương thức đầu tư

- Khai thác và bố trí hợp lý nguồn kinh phí Trung ương đầu tư tăng cường nguồn lực. Đảm bảo tổng đầu tư xã hội cho KH&CN từ 2-2,5% tổng chi ngân sách hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học và công nghệ (quy định tại Điều 49 Luật KH&CN năm 2013).

- Thực hiện các cơ chế chính sách để huy động nguồn vốn xã hội đầu tư vào phát triển hạ tầng kỹ thuật KH&CN, phát triển các công nghệ, các sản phẩm có lợi thế, có tiềm năng phát triển và có khả năng dẫn dắt chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương.

b. Về cơ chế tài chính

Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập, thực hiện cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần, đến giai đoạn 2030 xem xét thành lập Quỹ phát triển KH&CN.

2.3. Phát triển thông tin ,thống kê KH&CN

Tăng cường khai thác nguồn thông tin KH&CN trong cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ quốc gia, trao đổi và khai thác thông tin KH&CN trong và ngoài nước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp, trao đổi, giao dịch thông tin về KH&CN. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền để thông tin khoa học và công nghệ đến tận cơ sở và đông đảo nhân dân áp dụng vào sản xuất và đời sống.

2.4. Phát triển thị trường KH&CN, đổi mới công nghệ

- Xây dựng quy chế hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Xây dựng và khuyến khích thành lập các quỹ phát triển khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tạo ra các sản phẩm chiến lược của quốc gia, khẳng định được thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế.

- Hỗ trợ ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Hướng dẫn doanh nghiệp KH&CN sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở nghiên cứu KH&CN của Nhà nước để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác để thương mại hóa kết quả KH&CN; tham gia các dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN, tài sản trí tuệ của Nhà nước.

2.5. Phát triển đổi mới hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN

- Cụ thể hóa Luật Khoa học và công nghệ sửa đổi và các văn bản dưới luật, ban hành các văn bản pháp luật về hoạt động KH&CN phù hợp với điều kiện của tỉnh đồng thời khuyến khích các nhà khoa học tham gia nghiên cứu.

- Tiếp tục tăng cường đổi mới việc tuyển chọn, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, đánh giá và nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN hàng năm.

- Chuyển dần từ hình thức đề xuất sang đặt hàng của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và UBND tỉnh, theo hướng đặt đầu bài nghiên cứu cho các tổ chức và cá nhân có đủ năng lực thực hiện và xuất phát từ nhu cầu thực tế của các địa phương.

- Kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh phải giành một lượng kinh phí phù hợp hỗ trợ việc nhân rộng các kết quả nghiên cứu đã được kết luận.

- Thí điểm khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả

2.6. Phát triển hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: phát triển hạ tầng kỹ thuật đo lường; hạ tầng chất lượng; hạ tầng kỹ thuật do hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến; được chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

2.7. Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Điện biên tăng cường công tác quản lý nhà nước đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ trên địa bàn tỉnh.

2.8. Phát triển tài sản trí tuệ

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ, thực hiện lồng ghép chính sách, giải pháp thúc đẩy sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong các chiến lược, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật liên quan.

- Tạo lập, quản lý và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh.

- Thúc đẩy khai thác tài sản trí tuệ được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ; Thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, tham gia mạng lưới chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ; thúc đẩy sản xuất hàng hóa có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao; đẩy mạnh sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường khai thác, phân tích thông tin sáng chế phục vụ cho việc lựa chọn và khai thác công nghệ phù hợp; khuyến khích sử dụng các công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam nhưng phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp trong tỉnh. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian nhằm khai thác tiềm năng sản phẩm có thể mạnh của tỉnh.

- Phát triển các hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ; Thu hút nhân lực chất lượng cao trong và ngoài tỉnh tham gia vào hoạt động sở hữu trí tuệ, trong đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trên địa bàn tỉnh, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đào tạo chuyên gia quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội thông qua tuyên truyền pháp luật, thủ tục đăng ký quyền SHTT, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội. Cử nhân lực tham gia các khóa đào tạo về sở hữu trí tuệ tại nước ngoài theo các chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục sở hữu trí tuệ...).

2.9. Tăng cường hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Hằng năm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các đối tượng khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh, cộng đồng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp các Hợp tác xã của tỉnh.

- Tổ chức cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sự kiện Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Điện Biên 02 năm/lần; Hỗ trợ giới thiệu các doanh nghiệp khởi nghiệp tiềm năng tại tỉnh tham dự TECHFEST quốc gia. Tổ chức

hội nghị, hội thảo, diễn đàn, sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sự kiện kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; tham gia kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, các tỉnh, thành khác; tìm kiếm, giới thiệu và kết nối đối tác kinh doanh, nhà đầu tư cho dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ ươm tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đối với các cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

2.10. Phát triển và ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0

- Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia; Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghiên cứu, rà soát, đề xuất phương án cơ cấu lại toàn diện hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ công lập, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, áp dụng danh mục công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Rà soát, hoàn thiện các quy định về lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo hướng tạo sự chủ động và thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong sử dụng quỹ cho chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển.

- Phát triển nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tiếp tục triển khai quyết liệt Quyết định số 692/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

2.11. Tăng cường tiềm lực cho KH&CN

a. Về nguồn nhân lực KH&CN

- Đẩy mạnh triển khai chính sách sử dụng, trọng dụng và tôn vinh cán bộ khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ của lực lượng cán bộ quản lý KH&CN ở địa phương.
- Chuẩn hóa cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan chuyên môn quản lý KH&CN ở địa phương.
- Xây dựng chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ KH&CN đầu ngành, cán bộ KH&CN được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học quan trọng của tỉnh, cán bộ KH&CN trẻ tài năng.
- Phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học.
- Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, thu hút chuyên gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ làm việc trong các doanh nghiệp.

b. Về hệ thống tổ chức KH&CN

- Chuyển đổi tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động cho các tổ chức KH&CN công lập thông qua các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và nhiệm vụ KH&CN.
- Xây dựng quy hoạch hệ thống tổ chức KH&CN của tỉnh phù hợp với các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN trong từng giai đoạn, gắn với thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, trong đó:
 - Tăng cường nguồn lực cho Sở KH&CN và các đơn vị trực thuộc (Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Bắc Kạn).
 - Hình thành và phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ: các tổ chức dịch vụ KH&CN, trong đó chú trọng dịch vụ chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

c. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị

Tỉnh cần tiếp tục đầu tư trang thiết bị thí nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, ứng dụng và chuyển giao công nghệ để nâng cao tiềm lực cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và

Trung tâm ứng dụng KH&CN và TCĐLCL.

2.12. Tăng cường hợp tác về KH&CN

- Tăng cường quốc tế về khoa học và công nghệ phải được thực hiện tích cực, chủ động, sáng tạo, bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi.

- Thu hút các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, hình thành các nhóm nghiên cứu, trong đó chú trọng đến các nhóm nghiên cứu khoa học trẻ.

3. Các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ giai đoạn thực hiện 2021-2030

3.1. Danh mục các dự án đề xuất

Bảng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ đầu tư

3.2. Nhu cầu vốn đầu tư

a. Nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của Bộ ngành, nhằm đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển.

- Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và có các biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu, tăng thu ngân sách cho đầu tư phát triển. Có biện pháp phù hợp, đúng quy định để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, bao gồm khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công có hiệu quả. Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng của tỉnh;

không đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu đồng bộ; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất như: Giao thông, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các KCN, các dự án thoát nước, xử lý môi trường, các công trình thủy lợi...

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Tiếp tục cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

b. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước có vai trò quyết định đến việc thực hiện thành công các mục tiêu quy hoạch. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 và tác động to lớn lên chuỗi cung ứng toàn cầu đã khiến nhiều doanh nghiệp trong các ngành sản xuất, CN chế biến chế tạo cân nhắc thậm chí xúc tiến chuyển dịch chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc đến các nước khác, trong đó có khu vực ASEAN và Việt Nam. Để đón đầu xu hướng này, Điện Biên cần đẩy mạnh phát triển những yếu tố thúc đẩy huy động vốn FDI, cụ thể: 1) thiết lập các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính tinh giản, thuận lợi cho đầu tư; 2) nhanh chóng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật; 3) thúc đẩy việc đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cao, với các kỹ năng đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện các biện pháp sau:

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài. Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng nhằm phát triển công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông, lâm sản tỉnh có lợi thế cạnh tranh. Tăng cường xúc tiến đầu tư thông qua các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm

- Thu hút các doanh nghiệp, đối tác đem theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại; các tập đoàn đa quốc gia (TNCs) hàng đầu thế giới; các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) đến từ các nền kinh tế phát triển:

Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... tạo tác động lan toả tích cực tới sự phát triển của khu vực kinh tế trong nước; góp phần xây dựng và hình thành những ngành công nghiệp mũi nhọn theo định hướng của tỉnh như: công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ...

- Triển khai hiệu của các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, các khu dịch vụ phục vụ công nghiệp... theo quy hoạch được duyệt. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh, như chuẩn bị địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực...

- Hoàn thành bộ tiêu chí về đầu tư nhằm tận dụng tối đa lợi thế của địa phương, thu hút các dự án phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025.

- Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ đầu tư và Phát triển doanh nghiệp và Tổ công tác trực tiếp giúp Chủ tịch UBND tỉnh tiếp nhận và xử lý thông tin nhằm xử lý kịp thời, nghiêm túc mọi phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu của tỉnh thông qua việc xây dựng những biểu trưng, ấn phẩm, những đặc điểm riêng biệt của tỉnh Điện Biên so với các địa phương khác, tổ chức xúc tiến, quảng bá các điểm đến hấp dẫn, điều kiện hạ tầng và yếu tố con người Điện Biên ... với các bạn bè, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các dự án PPP phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng; công tác chuẩn bị hồ sơ và công việc sơ bộ cần được ưu tiên và tập trung thực hiện trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận PPP với các nhà đầu tư tiềm năng.

- Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao khoa học công nghệ... Thành lập các quỹ như quỹ tín

dụng nhân dân ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện, quỹ bảo hiểm sản xuất... Thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại để huy động vốn đầu tư tại chỗ để đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh. Phát triển các hình thức huy động vốn đóng góp bằng các hình thức như cổ phần, cổ phiếu.

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nội dung đề xuất tích hợp “Nghiên cứu phát triển mạng lưới cơ sở KH&CN tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 đã được thể tình bày trong phần I, phần II và phần III của báo cáo này. Các kết quả đạt được của báo cáo có thể tóm lược như sau:

Trong phần I, báo cáo đã phân tích một bức tranh khá đầy đủ và đánh giá thực trạng phát triển mạng lưới cơ sở Khoa học và Công nghệ của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020, cụ thể:

- Đánh giá vai trò, đóng góp hoạt động nghiên cứu và phát triển trên các lĩnh vực Khoa học tự nhiên; Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học y, dược; Khoa học nông nghiệp; Khoa học xã hội; Khoa học nhân văn vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố (bảo đảm quốc phòng - an ninh; chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ...).

- Đánh giá vai trò, đóng góp của các lĩnh vực: tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ... vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đánh giá thực trạng đầu tư cho hạ tầng khoa học và công nghệ: tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ); cơ sở vật chất - kỹ thuật của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; nhân lực khoa học và công nghệ; cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ; thị trường khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; sàn giao dịch công nghệ; khu nghiên cứu, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khu làm việc chung hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, phòng thí nghiệm....

Bên cạnh đó báo cáo cũng phân tích, xác định những tồn tại, hạn chế;

phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức, dự báo về sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đến vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

Trên cơ sở phân tích và đánh giá từ phần I, trong phần II, báo cáo đã đưa ra các đề xuất định hướng phát triển mạng lưới cơ sở Khoa học và công nghệ tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050, cụ thể:

- Thể hiện được quan điểm, mục tiêu chung là phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược, động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Lựa chọn phương án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp là trung tâm, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh.

- Đề xuất đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các chỉ tiêu cụ thể để thực hiện mục tiêu phát triển của tỉnh: Tỷ lệ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn; Tổng chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo/tổng chi ngân sách địa phương; Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao/Tổng giá trị sản xuất công nghiệp; Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; số doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hình thành; Các chỉ tiêu về năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP); tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến; doanh nghiệp được chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; Số đơn đăng ký và số văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được cấp.

Trong phần III, báo cáo đã mô tả bức tranh hiện trạng về cơ chế chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển mạng lưới cơ sở Khoa học và công nghệ tỉnh. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Hình thành một số chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ dài hạn nhằm giải quyết các vấn đề lớn, trọng tâm của tỉnh, thành phố; nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học để có chính sách phù hợp trong giải quyết các vấn đề kinh

tế - xã hội đặt ra trong quá trình phát triển; định hướng lựa chọn phát triển một số lĩnh vực công nghệ ưu tiên.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến; chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; thực hành nông nghiệp tốt (GAP), thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP); nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế của địa phương; các sản phẩm cây trồng phù hợp với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh hỗ trợ xác lập, quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của địa phương; hỗ trợ bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm chủ lực có thể mạnh xuất khẩu ở các thị trường tiềm năng.

- Xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ thông qua việc đặt hàng các vấn đề cần nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu; phát triển hạ tầng thông tin thống kê, chia sẻ cơ sở dữ liệu các kết quả nghiên cứu; cung cấp thông tin sáng chế cho doanh nghiệp; thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân; đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở đó, nhóm xây dựng đã đề cập đến các giải pháp thực hiện, cụ thể:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đầu tư tài chính, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ.
- Phát triển thông tin, thông kê khoa học và công nghệ.

- Xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nâng cao năng lực đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, chuyển giao công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy, khuyến khích ứng dụng các công nghệ mới từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số.

- Giải pháp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng: xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật đo lường; hạ tầng chất lượng; hạ tầng kỹ thuật cho Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến; được chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

- Giải pháp về sở hữu trí tuệ: hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận tiềm năng; cung cấp thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích và hoạt động nâng cao năng lực quản lý, khai thác tài sản sở hữu trí tuệ.

- Giải pháp về phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Giải pháp hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo....

Từ các kết quả thể hiện trong nội dung báo cáo, với việc đánh giá thực trạng, dự báo nhu cầu phát triển và đưa ra định hướng các giai đoạn phát triển mạng lưới cơ sở KH&CN tỉnh Điện Biên sẽ thực sự là một nhiệm vụ ưu tiên trong thời gian tới. Đặc biệt, chúng ta đang hội nhập sâu rộng với thế giới, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng đất nước, khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên, tận dụng ưu thế địa phương phục vụ phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên nói riêng và Việt Nam nói chung.

2. Kiến nghị

Như đã trình bày tại Phần II về định hướng phát triển mạng lưới cơ sở Khoa học và công nghệ, tỉnh nên xem xét đưa ra các văn bản yêu cầu đối với các Sở, ban ngành và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ưu tiên đầu tư cho Khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phân đấu huy động các nguồn lực đảm bảo đầu tư cho KH&CN đảm bảo từ 2-2,5% tổng chi ngân sách hằng năm và tăng dần đều theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN theo Quy định tại điều 49 Luật KH&CN năm 2013; Phần đấu đóng góp của Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt khoảng 35-40% trong tăng trưởng kinh tế; Tích cực tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và cải tiến công nghệ thay đổi quy trình, giá trị sản xuất.

Cần sớm định hướng nghiên cứu, phát triển các công nghệ mới tiên bộ và đặc biệt tỉnh cần ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để kêu gọi và thu hút các nhà đầu tư xây dựng xây dựng các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp Khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.